



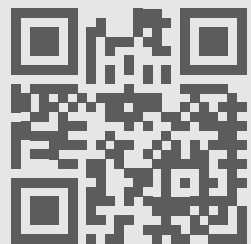
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THƯƠNG NGHIỆP  
CÀ MAU

CAMEX

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Số 70 - 72, Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại: (84-290) 3 822 772 - 3 838 282

Fax: (84-290) 3 834 358 - 3 836 893

Mail: [info@tncm.com.vn](mailto:info@tncm.com.vn)

Website: [www.tncm.com.vn](http://www.tncm.com.vn)



# MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

5

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

39

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

49

QUẢN TRỊ CÔNG TY

55

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

65







## *Chương I*

# **THÔNG TIN CHUNG**

- » Thông tin khái quát
- » Quá trình hình thành và phát triển
- » Giải thưởng tiêu biểu
- » Ngành nghề kinh doanh
- » Địa bàn kinh doanh
- » Sơ đồ tổ chức
- » Định hướng phát triển
- » Các rủi ro





## Thông tin khái quát

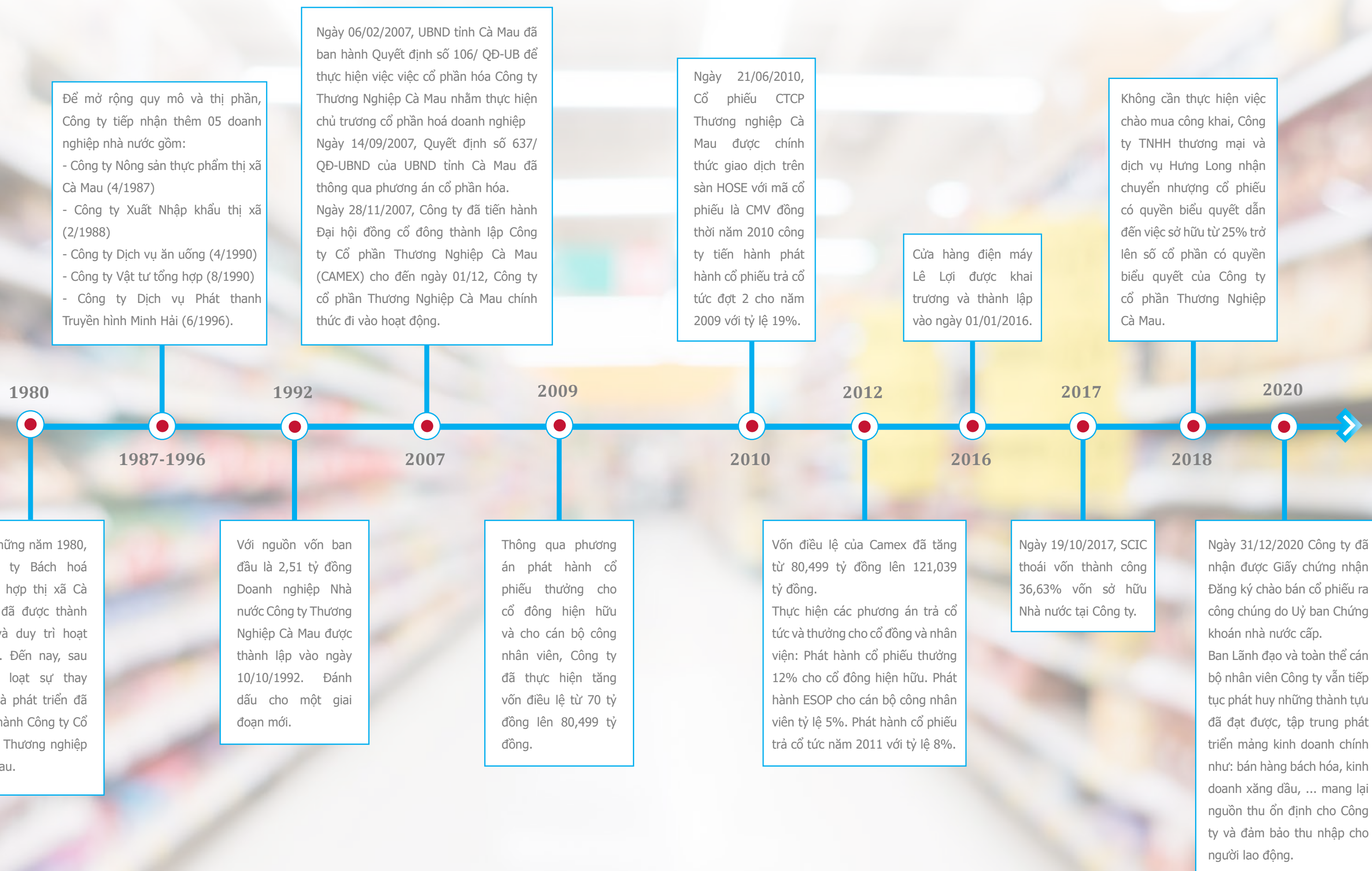
Tên Công ty	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Tên giao dịch	CAMEX
Tên viết tắt	CAMEX
Tên Tiếng Anh	CA MAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	CMV
Vốn điều lệ	121.039.120.000 đồng
Trụ sở chính	Số 70 – 72, Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Điện thoại	(84-290) 3 822 772 – 3 838 282
Fax	(84-290) 3 834 358 – 3 836 893
Email	info@tncm.com.vn
Website	www.tncm.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 2000110221 đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31/03/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp (cấp lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000105 ngày 01/12/2007)







## Quá trình hình thành và phát triển







## Giải thưởng tiêu biểu

**Sau hơn 30 năm thành lập, Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã đạt những thành tích xuất sắc và giải thưởng tiêu biểu như:**

### Giai đoạn 2005 – 2010

- Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua năm 2005, 2007, 2008, 2009.
- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).

### Giai đoạn 2010 – 2015

- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
- Bằng khen của Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng đơn vị đã nhiều năm liên hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Cà Mau.
- Quyết định Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định của BHXH Việt Nam về thành tích “Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014”.
- Quyết định của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014”.

### Giai đoạn 2015 – 2020

- Với những thành tích đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh, liên tiếp trong 4 năm liền 2016, 2017, 2018 và 2019, Công ty đã được vinh dự xếp hạng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty cổ phần Báo Cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo Vietnamnet phát hành.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
- Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
- Quyết định của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2009 – 2019.







## Ngành nghề kinh doanh

- » Kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng.
- » Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác.
- » Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát.
- » Bán buôn thuốc lá điếu các loại.
- » Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
- » Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
- » Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, dày dép.
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- » Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại.
- » Mua bán vật liệu xây dựng.
- » Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; san lấp mặt bằng.
- » Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh và các cây ăn quả, cây lâu năm.
- » Bán buôn điện thoại di động, sim card, thẻ cào.
- » Bán buôn khăn vệ sinh, khăn lau mặt, tã lót trẻ em, các sản phẩm cá nhân bằng giấy.



## Địa bàn kinh doanh

Chủ yếu hoạt động tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh.

Hiện nay doanh nghiệp đã có hơn 8 chi nhánh chính hoạt động trải đều khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các vùng lân cận như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Hậu Giang. Một số chi nhánh của công ty tại các tỉnh thành như:

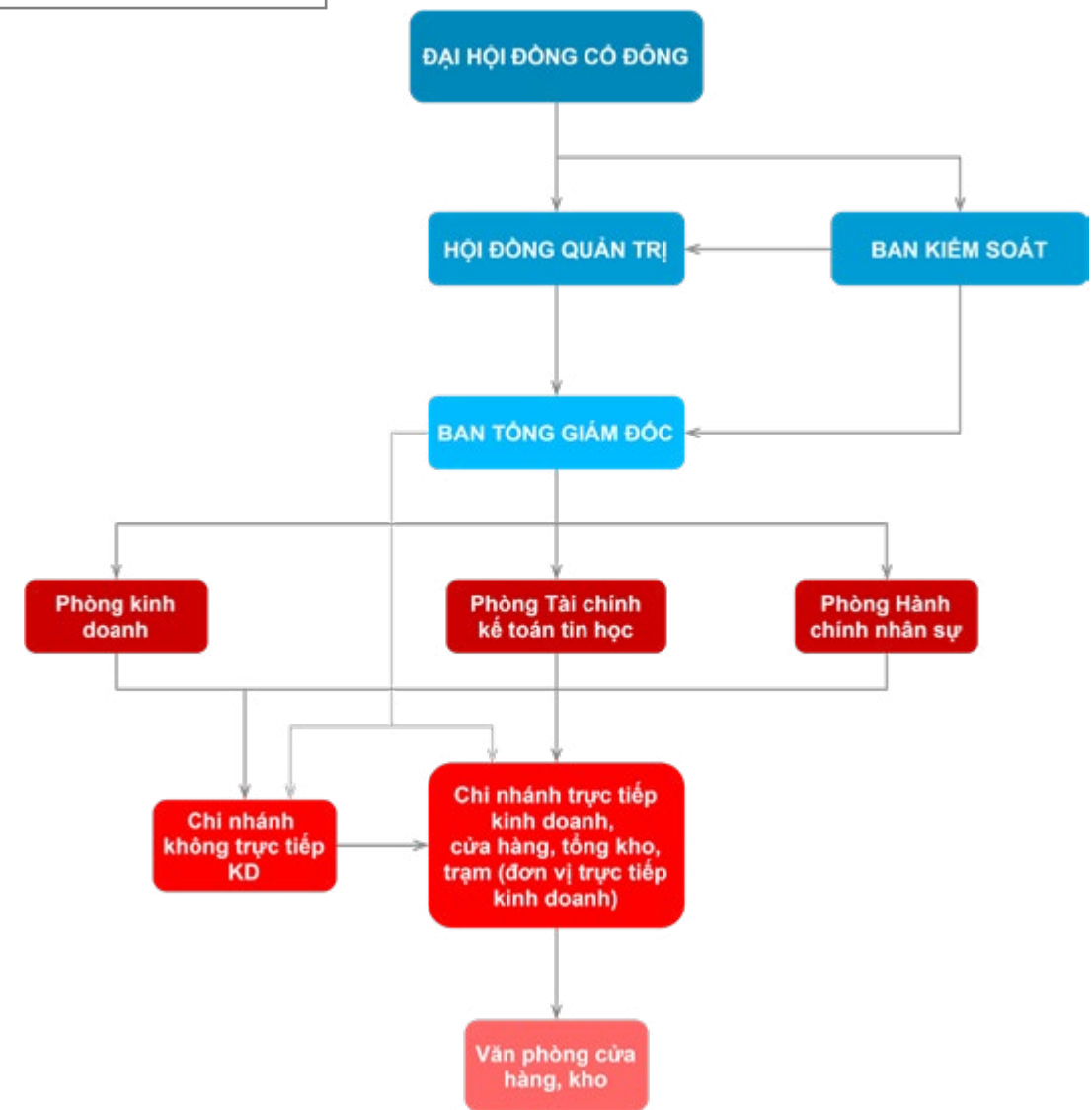
- 1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu**  
Lô B6, đường D1, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu
- 2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng**  
Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
- 3. Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình**  
Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- 4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang**  
Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- 5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh**  
Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
- 6. Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu**  
Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- 7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang**  
Quốc lộ 61, ấp 9, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang







## Sơ đồ tổ chức



### Công ty con, Công ty liên kết

#### Công ty con

##### Công ty TNHH MTV Bách Việt

- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 15B đường Lý Bôn, Phường 4, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

##### Công ty Cổ phần In Bạc Liêu

- Tỷ lệ sở hữu: 55,03%
- Vốn điều lệ: 9.977.800.000 đồng
- Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.
- Ngành nghề kinh doanh chính: In ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, in nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.

#### Công ty liên kết

Không có.



## Định hướng phát triển

### Mục tiêu chủ yếu

Ở Camex luôn đặt mục tiêu ổn định và phát triển bền vững để qua đó có được vị thế và tiềm năng tương xứng đồng thời nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty. Giai đoạn 2020-2025, Công ty thực hiện các mục tiêu chính gồm: Mở rộng mạng lưới cửa hàng; Tăng độ phủ và tăng thị phần bán; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%; Luôn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông; Nâng cao chất lượng đời sống của người lao động; Tăng cường quản trị nội bộ gia tăng tính minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động kinh doanh.

### Chiến lược phát triển

#### Chiến lược ngắn hạn

Với chiến lược ngắn hạn, Camex hiện tại vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau là chủ yếu. Với mảng kinh doanh xăng dầu, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược giữ vững thị phần bán buôn, đồng thời tiếp tục phát triển để mở rộng thị phần bán lẻ bằng cách tăng số lượng hệ thống các cửa hàng nhằm phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đặc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh.

Đối với mảng kinh doanh bách hóa, Công ty đang bắt đầu mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này, nâng cao chất lượng phục vụ các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Nỗ lực trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng.

#### Chiến lược dài hạn

Từ lúc bắt đầu hoạt động kinh doanh, Camex đã xây dựng một chiến lược dài hạn là mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Công ty sao cho phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận nhằm nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường Tây Nam Bộ. Không chỉ vậy, Công ty còn cố gắng phát huy lợi thế chiến lược Đa dạng hoá để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...







## Các rủi ro

### Rủi ro kinh tế

Việt Nam của năm 2020 phải đối mặt với nhiều khó khăn bởi các tác động của Covid-19 và căng thẳng thương mại Mỹ-Trung. Tình trạng dịch bệnh phức tạp kéo dài làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng mạnh mẽ đến cung cầu hàng hóa của hầu hết các khu vực, các chủ thể trong nền kinh tế. Nhưng nhờ có các biện pháp kịp thời của Chính phủ, GDP năm 2020 đạt mức tăng trưởng bình quân 2,91%, lạm phát năm 2020 tăng 2,23% so với bình quân năm 2019, đảm bảo mục tiêu của Quốc hội. Đồng thời, tổng lượng tiêu dùng cuối cùng cũng đã tăng 1,06% so với năm 2019. Với điều kiện nền kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng dương và hồi phục mạnh trong tương lai, đây là những điều kiện nền tảng cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong nước, trong đó có CAMEX. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn tiếp tục bám sát các diễn biến của thị trường, các biến động vĩ mô, vi mô, hạn chế các tác động không đáng có lên tình hình kết quả hoạt động kinh doanh.



### Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán HCM, quá trình hoạt động của Công ty chịu sự ràng buộc của quy định Pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Lao động,... và các văn bản dưới Luật có liên quan. Đặc biệt, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 đã cùng có hiệu lực từ 01/01/2021 với nhiều quy định, cơ chế mới thay thế so với các quy định cũ, sẽ góp phần tạo một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, giúp Công ty có thể hoạt động một cách hiệu quả.



Camex có các ngành nghề kinh doanh chính liên quan đến buôn bán hàng hóa và kinh doanh xăng dầu nên Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh của các ngành nghề nhất là đối với kinh doanh xăng dầu như NĐ 08/2018/NĐCP, NĐ 83/2014/NĐ-CP. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thực hiện theo dõi, cập nhật liên tục các quy định mới nhằm giảm thiểu rủi ro vận hành, không để xảy ra các gián đoạn, gây thiệt hại cho các bên liên quan của Công ty.

### Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam là một trong những điểm sáng kinh tế của thế giới, một điểm đến hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh hàng loạt hiệp định thương mại được ký kết như EUVFTA, UKVFTA, RCEP... Điều này đồng nghĩa với việc Công ty sẽ có được nhiều lợi ích, cũng như sẽ phải đối mặt với không ít thách thức. Công ty sẽ phải đối diện với sự cạnh tranh toàn diện từ các bên bán hàng truyền thống đến kênh thương mại điện tử, các nhà phân phối trong nước và ngoài nước...

- Đối với lĩnh vực Bách hoá: Công ty hoạt động trong ngành có sự cạnh tranh tương đối lớn với sự hiện diện của các tên tuổi lớn như Coopmart, Bách Hoá Xanh, trung tâm thương mại Vincom, hệ thống Vinshop.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh điện máy: Sự mở rộng của các chuỗi hệ thống cửa hàng như Điện máy xanh, Điện máy Chợ lớn, FPT Shop gây áp lực lớn lên thị phần của Công ty ở các tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Cửu Long.

Đặc biệt, Công ty cũng cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị như Tiki, Shopee, Lazada,... và trong tương lai có thể là Amazon. Đây đều là những đơn vị có ưu thế về tài chính, công nghệ.

- Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Do đây là một mặt hàng thiết yếu mang lại nhiều lợi ích khác nhau nên Công ty luôn phải cạnh tranh với các đại lý bán lẻ tư nhân và quốc doanh. Tuy nhiên tiềm năng phát triển của vùng đồng bằng Sông Cửu Long vẫn còn rất lớn do tọa lạc liền kề vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, được hưởng lợi gián tiếp.

Để giảm bớt các áp lực cạnh tranh, Công ty luôn tận dụng ưu thế hoạt động hơn 40 năm trên địa bàn, cùng các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế vùng mang lại giá trị cao nhất cho Nhà đầu tư.







## Các rủi ro (tt)

### Rủi ro đặc thù

- Hàng bách hoá: Cũng như các doanh nghiệp khác khi kinh doanh bách hoá, Công ty luôn phải xử lý tốt các vấn đề liên quan đến quản trị hàng tồn kho. Công ty luôn lên kế hoạch nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ hàng hoá cho địa phương, không để xuất hiện tình trạng thiếu hàng trong mùa cao điểm, thừa hàng trong mùa thấp điểm làm tăng chi phí dự trữ hàng hoá. Bên cạnh đó, hàng tồn kho khác là các thiết bị, đồ dùng điện tử cũng chiếm một tỷ trọng nhất định trong cơ cấu hàng hoá. Đây là mặt hàng có sự thay đổi giá thành, giá bán tương đối lớn do các nhà sản xuất chạy đua cải tiến và ra mắt các sản phẩm mới hàng năm. Chính vì vậy, Công ty luôn có chính sách lưu trữ, phân bổ hàng tồn kho hợp lý đưa ra các hình thức bán hàng, khuyến mãi, hoa hồng phù hợp nhằm đẩy mạnh hàng bán.

- Kinh doanh xăng dầu: Xăng dầu là mặt hàng thiết yếu nên chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước. Đồng thời, giá xăng dầu trong nước cũng phụ thuộc rất nhiều vào giá dầu thế giới do phần lớn thành phẩm đều được nhập khẩu từ nước ngoài. Tình hình kinh doanh của Công ty vì vậy mà cũng bị tác động rất lớn. Do đó, Hội đồng quản trị cũng Ban điều hành Công ty vẫn luôn theo sát tình hình cung ứng thế giới để kịp thời đưa ra phương án kinh doanh hiệu quả nhất, không để bị động trong mọi trường hợp

### Rủi ro thời tiết, thủy văn

Các chi nhánh và cửa hàng kinh doanh của Camex phân bố chủ yếu tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, với đặc điểm là vùng đất thấp, ngập nước theo chu kỳ mùa từ Sông Mekong. Vì vậy, Công ty luôn lựa chọn những nơi có địa thế cao nhằm đảm bảo đủ điều kiện bảo quản, lưu trữ hàng hóa. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty một phần phụ thuộc vào hệ thống đường thủy của vùng. Tuy nhiên, gần đây, thời tiết Nam Bộ có hiện tượng nắng nóng liên tục, gây hạn hán, kết hợp với lượng nước về từ thượng nguồn sông Mekong do các đập thủy điện, đập giữ nước của các nước chung dòng chảy, gây khó khăn cho hoạt động của người dân vùng sông nước và cho hoạt động kinh doanh Công ty.

### Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, Công ty còn phải đối mặt với những tình huống khác như cháy nổ, dịch bệnh, hỏa hoạn,... Đây là những trường hợp bất khả kháng, khi xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến nhân lực và tài lực của Công ty. Chính vì thế, Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.





A shopping cart with a red handle and a red basket inside, positioned in a supermarket aisle. The background is blurred, showing shelves stocked with various products.

## *Chương II*

# **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRÔNG NĂM**

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- » Tình hình tài chính
- » Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- » Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng





## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng Bán hoá	3.246.868	68,66%	3.205.518	75,92%
Doanh thu bán xăng dầu	1.166.996	24,68%	732.687	17,35%
Doanh thu khác	314.949	6,66%	283.915	6,72%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.728.814</b>	<b>100%</b>	<b>4.222.120</b>	<b>100%</b>

### Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Biên lợi nhuận	Giá trị	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận gộp bán hàng Bán hoá	105.687	3,22%	122.797	3,82%
Lợi nhuận gộp bán xăng dầu	50.104	4,29%	45.116	6,16%
Lợi nhuận gộp khác	23.905	7,59%	19.778	6,97%
<b>Tổng cộng</b>	<b>179.696</b>	<b>-</b>	<b>187.691</b>	<b>-</b>

### Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%2020/2019
1	Tổng doanh thu	4.728.814	4.222.120	89,28%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	-1.655	4.293	-
3	Lợi nhuận khác	27.879	19.769	70,91%
4	Lợi nhuận trước thuế	26.224	24.062	91,76%
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>18.350</b>	<b>18.472</b>	<b>100,66%</b>

### Nhận xét

Năm 2020, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đã chịu nhiều ảnh hưởng từ các sự kiện bất ngờ mang tính quốc tế. Doanh thu của Công ty trong năm đã giảm 10,72% so với năm 2019 đạt giá trị 4.222.120 triệu đồng với cơ cấu đã có nhiều sự thay đổi và lợi nhuận gộp năm 2020 ghi nhận giá trị 187.691 triệu đồng, tăng 4,45% so với kết quả năm trước.

Doanh thu từ bán hàng bán hoá không có sự thay đổi lớn trong giá trị và tỷ trọng từ hàng bán hoá đã tăng 7,26%, từ 68,66% lên 75,92%. Các tác động của đại dịch Covid-19 cũng như các biện pháp phòng chống dịch bệnh của Chính phủ dường như không có ảnh hưởng quá lớn lên bộ phận hàng hoá này do đa phần các sản phẩm đều là các mặt hàng thiết yếu, không thể thiếu cho đời sống thường nhật của người dân. Đồng thời, các nỗ lực kiểm soát chi phí đầu vào của các loại hàng hóa này đã cải thiện biên lợi nhuận gộp năm đạt 3,82%.

Đối với xăng dầu, một phần do sự cạnh tranh cao trong khu vực, một phần do các gián đoạn trong sản xuất kinh doanh nên doanh thu từ mặt hàng này đã giảm đáng

kể, chỉ thu được 732.687 triệu đồng, đã giảm 37,22% so với năm trước. Nguyên nhân của kết quả trên đến từ 04 nguyên nhân chính: sự gián đoạn sản xuất, vận chuyển hàng hóa của các Công ty trong địa bàn kinh doanh trong quý I; trữ lượng dự trữ xăng dầu tăng cao do nhu cầu tiêu thụ không còn trên phạm vi toàn thế giới làm giá dầu giảm mạnh; mức độ cạnh tranh khốc liệt của các hệ thống xăng dầu tư nhân, tổ chức; và ảnh hưởng của thời tiết lên tình hình thủy văn của vùng làm giảm khai thác giao thông đường thủy. Song song đó, lượng cung dầu tăng cũng đã làm giảm giá nhập kho của các loại xăng dầu, góp phần cải thiện đáng kể biên lợi nhuận gộp của mặt hàng này từ 4,29% lên 6,16%.

Đối với các mặt hàng khác không trọng yếu của Công ty, doanh thu được ghi nhận chiếm tỷ trọng nhỏ, vẫn duy trì không vượt quá 7% cơ cấu từ năm 2019, đóng góp 283.915 triệu đồng vào tổng doanh thu doanh nghiệp. Đây vẫn là mảng quan trọng đối với Công ty, góp phần đa dạng hóa nguồn thu từ các sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên thị trường.



CAMEX ghi nhận lợi nhuận khác cho năm 2020 đạt 19.769 triệu đồng, chỉ bằng 70,91% số ghi nhận năm 2019. Đa phần nguồn thu của lợi nhuận khác bắt nguồn từ các khoản thường, chiết khấu bán hàng với tỷ lệ 99,77% giá trị năm 2020. Nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm của khoản mục này là do sự cắt giảm phần trăm chiết khấu của các đối tác thương mại trong bối cảnh dịch Covid-19. Mặc dù vậy, đây vẫn là khoản đóng góp lớn cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần tạo ra 24.064 triệu đồng lợi nhuận trước thuế và 18.920 triệu đồng lợi nhuận sau thuế cho Công ty.

Bên cạnh đó, khi so sánh với năm 2019, lợi nhuận trước thuế đã giảm 2.162 triệu đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế lại tăng 122 triệu đồng. Lý giải cho hiện tượng này, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã giảm mạnh, chủ yếu do thu nhập chịu thuế của Công ty năm 2020 giảm mạnh so với năm 2019, liên quan đến chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP. Như vậy, Ban điều hành Công ty đã đưa ra những chính sách phù hợp và tận dụng các ưu đãi từ chính phủ nhằm bảo toàn thành quả kinh doanh, hạn chế các chi phí không đáng có trong giai đoạn Covid-19 phức tạp, mang lại lợi ích tối đa cho các cổ đông.





## Tổ chức và nhân sự

### Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	431.613	3,57%	
2	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	8.767	0,07%	
3	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	103.824	0,86%	Miễn nhiệm ngày 01/01/2020
4	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán trưởng	92.269	0,76%	

### Lý lịch Ban điều hành

#### Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc

**Ngày sinh** 01/12/1956

**Nơi sinh** Xã Trần Hợi, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau

**Quốc tịch** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Kinh tế - Khoa Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác

- 06/1975 – 08/1978: Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê- Kế hoạch thị xã Cà Mau
- 08/1978 – 11/1982: Cửa hàng bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau làm kế toán trưởng cửa hàng
- 11/1982 – 2007: Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGD, TGD Công ty
- 28/11/2007 - 05/05/2018 Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau
- 05/05/2018 - Nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Tổng Giám Đốc

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT CTCP In Bạc Liêu; Ủy viên HĐQT CTCP Cà phê PETEC

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 431.613 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số CP sở hữu
1	Chồng	Nguyễn Văn Hậu	374.465
2	Em ruột	Nguyễn Thị Việt Ngọc	103.824
3	Em ruột	Nguyễn Thị Việt Phượng	7.916

#### Ông Lưu Hoàng Thống – Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh** 22/12/1976

**Nơi sinh** Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau

**Quốc tịch** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác

- 10/1998 - 02/1999 Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 03/1999 - 06/1999 Kế toán Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 07/1999 - 03/2000 Kế toán Cửa hàng Điện Máy Cà Mau thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2000 - 03/2003 Cửa hàng phó Cửa hàng Điện Máy Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2003 - 06/2006 Cửa hàng trưởng Cửa hàng Công nghệ thực phẩm Trà Kha thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 07/2006 - 12/2006 Kế toán Phòng Tài chính Kế toán Tin học thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2007 - 8/2007 Phụ trách tổng kho bách hóa thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 9/2007 - 12/2009 Cửa hàng trưởng Cửa hàng Chuyên doanh thuốc lá BAT thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2010 - 03/2013 Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2013 - 11/2014 Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 12/2014 - 03/2015 Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017 thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau Nhân viên Phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2015 – 12/2016 Phó phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2016 - 04/2019 Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 4/2019 đến nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 8.767 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không





## Tổ chức và nhân sự (tt)

### Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc – Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh** 19/05/1971

**Nơi sinh** Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải nay là tỉnh Cà Mau

**Quốc tịch** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn** Đại học Thương Mại

**Quá trình công tác**

- 06/1994 – 03/1998: Nhân viên Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/1998 – 11/2002: Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- 12/2002 – 11/2004: Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- 12/2004 – 06/2008: Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc CTCP Thương nghiệp Cà Mau
- 07/2008 – 12/2009: Trưởng Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh
- 01/2010 – 12/2020: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Tổng Giám Đốc

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 103.824 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan**

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số CP sở hữu
1	Chị ruột	Nguyễn Thị Việt Ánh	374.465
2	Em ruột	Nguyễn Thị Việt Phượng	7.916



### Ông Phù Chí Anh – Phó Tổng Giám đốc

**Ngày sinh** 23/08/1974

**Nơi sinh** TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**Quốc tịch** Việt Nam

**Trình độ chuyên môn** Đại học Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác**

- 10/1998 - 02/1999 Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 02/1998 – 12/2001 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2002 – 01/2007 Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- 02/2007 – 11/2007: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 12/2007 – 12/2012: Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- 02/01/2013 – Nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau, kiêm kế toán trưởng từ ngày 07/09/2016.
- 20/06/2020 đến nay: TV HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 92.269 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số CP sở hữu
1	Vợ	Quách Duy Tâm	6.502





## Tổ chức và nhân sự (tt)

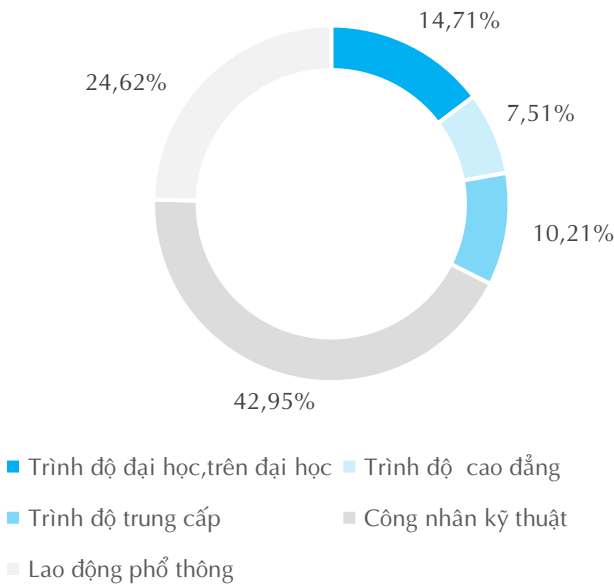
### Số lượng cán bộ nhân viên năm 2020

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>666</b>	<b>100</b>
1	Trình độ đại học	98	14,71
2	Trình độ cao đẳng	50	7,51
3	Trình độ trung cấp	68	10,21
4	Công nhân kỹ thuật	286	42,95
5	Lao động phổ thông	165	24,62
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>666</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	418	62,76
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	54	8,11
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	194	29,13
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>666</b>	<b>100</b>
1	Nam	512	76,88
2	Nữ	154	23,12

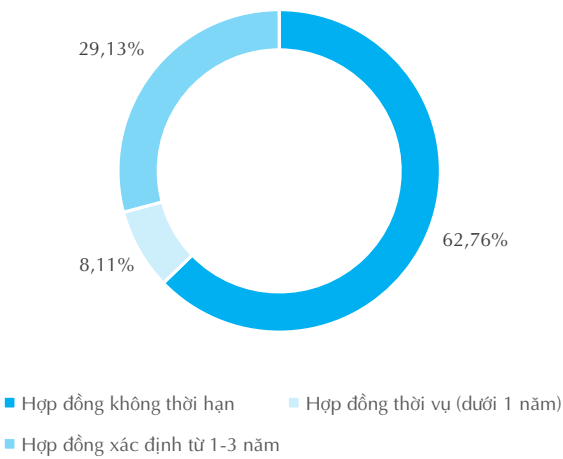
### Thu nhập bình quân

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
<b>Tổng số lượng người lao động</b> (người)	654	657	647	629	619
<b>Thu nhập bình quân</b> (đồng/người/tháng)	7.200.000	7.100.000	8.300.000	8.000.000	8.000.000

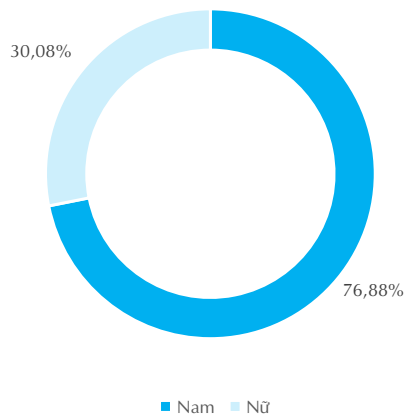
### Trình độ lao động



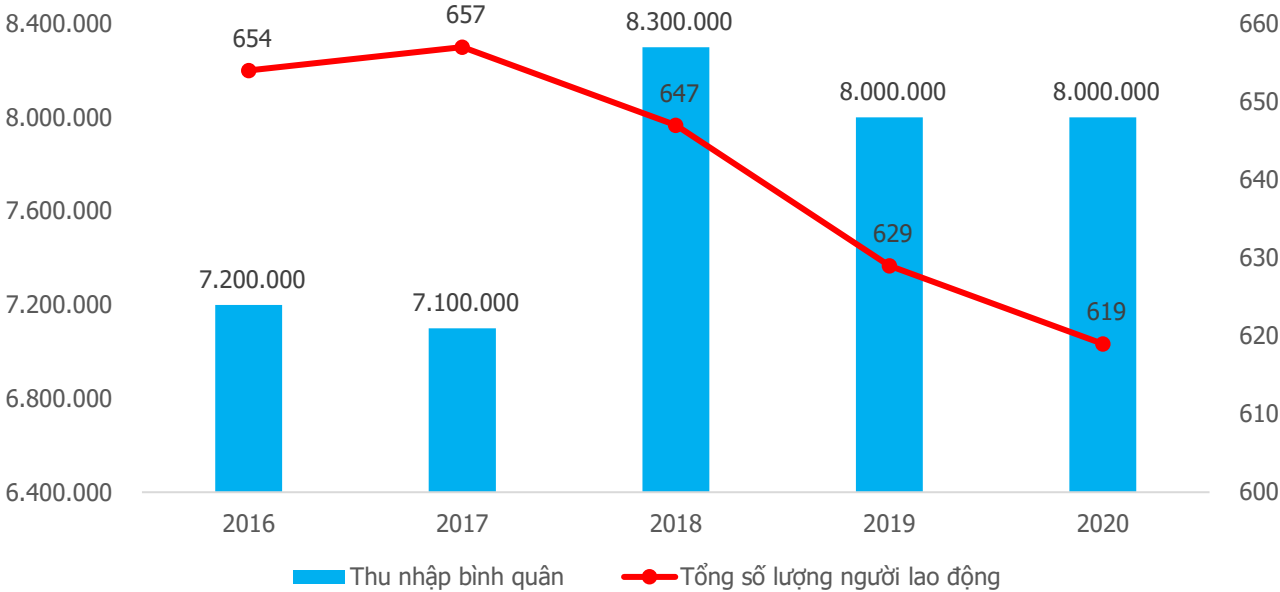
### Tính chất hợp đồng lao động



### Giới tính



### Thu nhập bình quân





## Chính sách nhân sự

### Về đào tạo

Một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của doanh nghiệp chính là đội ngũ nhân sự của Công ty. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng đó, Ban lãnh đạo Camex đã luôn dành sự quan tâm nhằm phát triển đội ngũ nhân sự của doanh nghiệp.

Ở Camex, Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện để cán bộ nhân viên của Công ty có thể tham gia các khóa huấn luyện, nâng cao nghiệp vụ, các kỹ năng làm việc như khả năng

tiếp thị, marketing nhằm mang đến các dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và hướng đến việc nâng cao giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Đồng thời Camex còn phối hợp các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp học huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên như An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy và Quản lý hóa đơn và chi phí sản xuất kinh doanh.

### Lương, thưởng và phúc lợi

Chính sách lương thưởng luôn được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật, các quy chế tiền lương cho nhân viên và các điều kiện trên hợp đồng lao động. Công ty còn có nhiều chính sách khác liên quan đến lương thưởng, góp phần cải thiện thu nhập của người lao động, giúp họ yên tâm cống hiến, đóng góp vào thành quả hoạt động chung của Công ty như chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất.



Bên cạnh các giá trị mang tính vật chất, đời sống tinh thần của toàn thể cán bộ nhân viên cũng được dành một sự quan tâm đặc biệt. Người lao động được đảm bảo tham gia đầy đủ các loại chế độ bảo hiểm như BHXH, BHYT, BH thất nghiệp; giải quyết chế độ thai sản, ốm đau, thăm khám sức khỏe định kỳ. Không chỉ vậy, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ làm việc như văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các chuyến tham quan, du lịch cuối năm để tăng sự kết nối giữa các cá nhân trong tập thể. Ngoài ra, Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những nguyện vọng của nhân viên ở tất cả các phòng ban; phối hợp với công đoàn giải quyết các vấn đề của nhân viên.

### Môi trường công việc

Không chỉ quan tâm đến hiệu suất công việc và chế độ lương thưởng, phúc lợi ổn định, Camex từng ngày đều chú trọng đến việc xây dựng một doanh nghiệp có môi trường tốt và văn hoá doanh nghiệp. Các nhân viên ở Camex luôn ý thức được từng hành động của mình đều ảnh hưởng đến bộ mặt của Công ty, qua đó, nhân viên của Camex được đào tạo trong cách ứng xử giao tiếp với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp. Đồng thời, ưu tiên hàng đầu của Công ty luôn là đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết các nhân viên của Công ty.



## Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2020, Công ty đã thành lập mới: 03 cửa hàng tự chọn (Bách hóa Tân Thành, Bách hóa hóa Lương Thế Trân, Bách hóa Tắc Vân)

Kế hoạch cho giai đoạn tới, Công ty sẽ xây dựng tiếp tục xây dựng 2 công trình:

- Kho Công nghệ Thực phẩm Hộ Phòng với dự toán 700 triệu
- Tổng kho Bách hoá Năm Căn, cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại ấp Chông Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn diện tích 12.500 m2 với dự toán 14,98 tỷ.







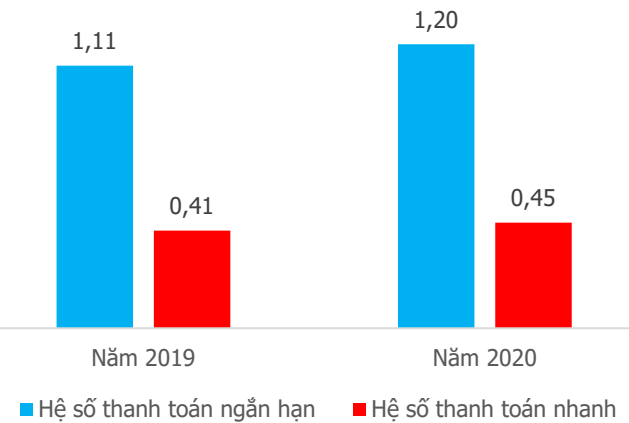
## Tình hình tài chính

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,20
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,45
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,19	67,34
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	302,99	206,19
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,57	11,67
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	6,55	6,31
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,39	0,44
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,14	9,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,54	2,76
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-0,04	0,10

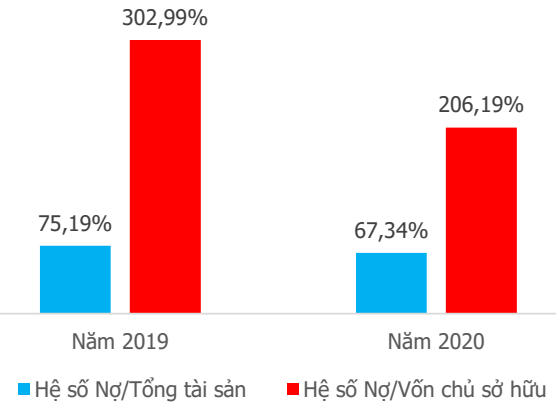
### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm 2020, khả năng thanh toán của Công ty đã được cải thiện so với năm 2019, thể hiện qua các hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn đã tăng từ 1,11 lần lên 1,20 lần, hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,41 lần lên 0,45 lần. Nguyên nhân chủ yếu do mức giảm của tài sản ngắn hạn (-20,01%) nhỏ hơn mức giảm của nợ ngắn hạn (-25,91%). Chi tiết, hàng tồn kho đã giảm xấp xỉ 20% do Công ty đánh giá nhu cầu tiêu dùng cho dịp lễ tết năm 2021 không triển vọng bằng các năm trước, nên đã hạn chế nhập kho hàng hóa mới, giúp giảm các chi phí bảo quản, lưu trữ. Các khoản nợ ngắn hạn từ các đối tác cung ứng và các khoản vay ngân hàng thương mại tài trợ cho hàng tồn kho của doanh nghiệp cũng đã giảm cũng vì lý do trên. Qua đó, khả năng thanh toán của Công ty luôn đảm bảo phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh trong năm, đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ đối với các đối tác, và bên cho vay.



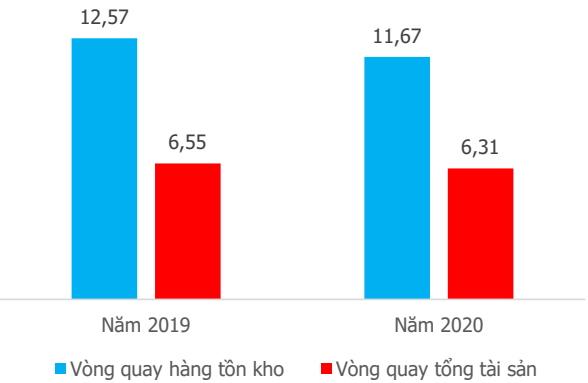
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của công ty đã có sự thay đổi tương đối rõ rệt so với năm 2019, với hệ số nợ/tổng tài sản đã giảm 7,85% còn 67,34% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm 96,80% còn 206,19%. Kết quả có được do công ty đã ghi nhận giảm các khoản nợ phải trả, đặc biệt là các khoản nợ ngắn hạn liên quan đến hàng tồn kho với tổng giá trị của hai khoản mục giảm nhiều nhất là 139.825 triệu đồng. Với điều đó, các loại chi phí hoạt động kinh doanh cũng như là các rủi ro tài chính, kinh doanh được giảm thiểu tối đa, hạn chế các bất lợi mà đại dịch Covid-19 mang lại.



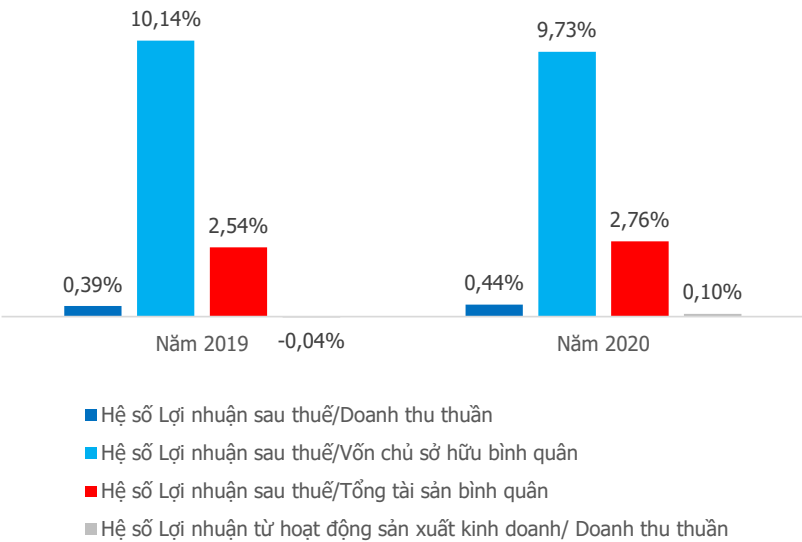
### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các hệ số phản ánh năng lực hoạt động của Công ty đều không có sự chênh lệch quá lớn so với năm 2019. Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ từ 12,57 vòng xuống 11,67 vòng và hệ số vòng quay tổng tài sản năm 2020 là 6,31 vòng so sánh với 6,45 vòng của năm 2019. Cả doanh thu và giá vốn hàng bán đã giảm đáng kể do sự sụt giảm trong nhu cầu tiêu thụ đối với các sản phẩm của Công ty và giá thành của một số hàng hóa đã giảm mạnh do lượng cung hàng hóa tăng cao, nhất là đối với xăng dầu. Trong khi đó, giá trị trung bình tổng tài sản sở hữu mức giảm thấp hơn doanh thu và giá vốn hàng bán, với đóng góp chủ yếu là hàng tồn kho với giá trị giảm hơn 76.777 triệu đồng. Theo đó, các chính sách ứng phó với đại dịch của Công ty trong tất cả các mảng kinh doanh và của Chính phủ đã có một độ trễ nhất định, làm giảm hiệu quả hoạt động của Công ty. Mặc dù vậy, các hành động này của Ban lãnh đạo vẫn được đánh giá là kịp thời và phù hợp, góp phần giúp năng lực quản trị, hoạt động luôn ở mức hiệu quả cao.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2020 của Công ty đã có sự khác biệt giữa các hệ số thành phần. Trong khi biên lợi nhuận của năm 2020 đạt 0,44%, cao hơn mức 0,39% của năm trước và hệ số ROA đã tăng từ 2,54% lên 2,76% thì ROE của Công ty đã giảm nhẹ 0,19% đạt 9,95%. Kết quả này có được là nhờ các quyết định kịp thời, hợp lý trong chính sách vận hành doanh nghiệp, tận dụng các thay đổi giá cả trên thị trường và các hỗ trợ từ chính phủ, địa phương, từ đó có thể tạo ra nhiều lợi nhuận hơn với mức chi phí thực trả thấp.







## Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành:** 12.103.912
- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 12.103.912
  - **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần:** Cổ phần thường
- Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	576	12.079.050	120.790.500.000	99,79%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	0,00%
2	Cổ đông tổ chức	18	9.626.897	96.268.970.000	79,54%
3	Cổ đông cá nhân	558	2.452.153	24.521.530.000	20,26%
II	Cổ đông nước ngoài	7	24.862	248.620.000	0,21%
1	Cá nhân	5	6.652	66.520.000	0,05%
2	Tổ chức	2	18.210	182.100.000	0,15%
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		583	12.103.912	121.039.120.000	100,00%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các chứng khoán khác:** Không có

## Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Không chỉ trong năm 2020, phương châm ưu tiên cho chất lượng sản phẩm luôn là mục tiêu hàng đầu của Công ty trong suốt những năm gần đây và toàn thể Ban lãnh đạo cam kết tiếp tục phát huy trong tương lai. Do vậy, nguồn nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào luôn được xem xét, lựa chọn kỹ lưỡng từ các nhà cung cấp uy tín. Trong quá trình hoạt động của mình từ ngày thành lập, Camex luôn luôn tìm kiếm các nhà cung ứng có các sản phẩm đáp ứng các điều kiện về chất lượng, phẩm chất thành phẩm, đa dạng

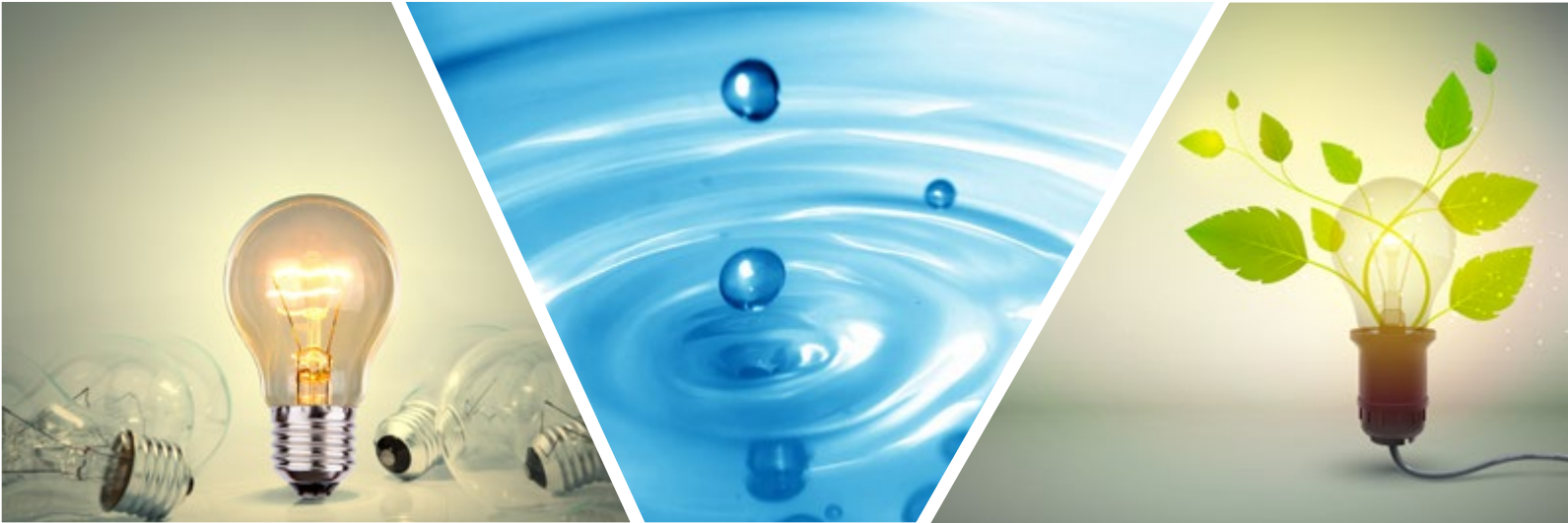
hóa trong danh mục mặt hàng, đảm bảo cho người tiêu dùng có thể đưa ra lựa chọn phù hợp nhất với nhu cầu bản thân. Bên cạnh đó, công tác lưu trữ, bảo quản cũng được dành sự quan tâm đặc biệt. Các hàng hóa, sản phẩm của Công ty luôn trong điều kiện bảo quản tối ưu, tránh để xảy ra các tình trạng hư hỏng, rò rỉ, đặc biệt là đối với sản phẩm điện tử, xăng dầu, gây tổn thất cho Công ty và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

### Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được quan tâm ở các doanh nghiệp, bao gồm cả CAMEX. Việc sử dụng năng lượng hợp lý không những tiết kiệm được chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường. Ý thức được tầm quan trọng này, Camex đã triển khai thực hiện các biện pháp mang lại hiệu quả đối với việc sử dụng năng lượng như thay các thiết bị cũ, tốn nhiều năng lượng bằng các thiết bị mới, có hiệu suất cao, tiêu thụ ít năng lượng như các bóng đèn Compact, LED, hệ thống đèn cảm ứng chuyển động... Đồng thời, Phòng hành chính nhân sự cũng tổ chức phổ biến đến cán bộ nhân viên, nhất là với những nhân viên mới về chính sách sử dụng năng lượng trong CAMEX. Ngoài ra, Công ty cũng hưởng ứng các hoạt động, phong trào kêu gọi, ủng hộ tiết kiệm năng lượng, chẳng hạn như Giờ Trái Đất...

### Tiêu thụ nước

Những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã có tác động mạnh mẽ lên người dân và các công ty khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng, không chỉ đối với các tỉnh ven biển mà đã thâm nhập sâu vào đất liền. Chính vì vậy, vấn đề sử dụng nguồn nước sạch một cách tiết kiệm, hiệu quả luôn là một trong các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty, mang lại giá trị cho người dân và môi trường xung quanh. Theo đó, Công ty luôn thực hiện nhắc nhở cán bộ nhân viên sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý; lưu ý đối với các vòi chảy bằng các bảng thông báo, lắp đặt hệ thống van nước có dòng chảy chậm, vòi rửa tự ngắt tự động,... khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước vì lợi ích chung của cộng đồng.







## Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng (tt)

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự phát triển bền vững của Công ty, Camex luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo luật định cũng như yêu cầu của sở, ban, ngành và cơ quan quản lý luôn được chú trọng và quán triệt đến các phòng ban trong Công ty. Ngoài ra, Công ty đã bắt đầu sử dụng các loại bao bì, túi sinh thái, tự hủy sinh học ở các chi nhánh, cửa hàng nhằm thay thế cho các loại túi, bao bì truyền thống được làm từ PP, PE,...

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Chiến lược phát triển bền vững với trách nhiệm xã hội là nền tảng đã, đang và sẽ luôn là trọng tâm trong hoạt động kinh doanh của Camex, bởi sự thành công của một doanh nghiệp không đơn thuần là những con số doanh thu thể hiện trên báo cáo tài chính mà còn là những giá trị thiết thực và lâu dài mà doanh nghiệp đó xây dựng, đóng góp cho cộng đồng.

Trong công tác xã hội, nhiều năm qua, Camex luôn dành ngân sách cho các hoạt động thiện nguyện với tinh thần tương thân tương ái, phát triển nền tảng cộng đồng. Năm 2020, Công ty đã thực hiện nhiều chương trình hoạt động hướng đến cộng đồng, chăm sóc, hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình chính sách, tổ chức nhiều chuyến công tác xã hội thăm và tặng quà cho các mái ấm trẻ mồ côi, khuyết tật, viện dưỡng lão. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động đóng góp, vận động quyên góp giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị chịu hạn mặn ở các tỉnh Tây Nam Bộ và mưa bão ở miền Trung...

Ngoài ra, các chi nhánh, cơ sở kinh doanh của Công ty đã cùng người dân địa phương đã kêu gọi sự hỗ trợ từ chính quyền, hỗ trợ một phần nhằm cải tạo cơ sở hạ tầng bị sụt lún trên địa bàn. Nhờ đó, không chỉ giúp người dân lưu thông dễ dàng, Công ty còn giảm được một phần các chi phí vận chuyển hàng hóa.



### Chính sách liên quan đến người lao động

Con người là vốn quý giá nhất của mỗi doanh nghiệp, yếu tố con người ngày càng là nền tảng và trọng yếu nhất trong mỗi tổ chức trong môi trường cạnh tranh gay gắt. Trí tuệ, sức lực của người lao động làm nên giá trị, danh tiếng của một Công ty. thấu hiểu điều đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm các cách tiếp cận mới liên quan đến chính sách tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động mà cốt lõi là xây dựng, bồi dưỡng ra thế hệ nhân tài hàng năm.

### Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, các kỹ năng giao tiếp, bán hàng, marketing,... cho cán bộ nhân viên trong Công ty, thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao khả năng thực tiễn, quản lý. Mỗi nhân viên có một Lộ trình thăng tiến và Kế hoạch Phát triển nghề phù hợp với bản thân mình. Trên mỗi bước đi đó đều có sự đồng hành của Công ty qua từng khóa học thiết kế chỉnh chu, hình thức phong phú, thu hút, hướng đến mục tiêu ứng dụng cao sau khi học.

### Lương thưởng và phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động. Mục tiêu của Công ty là đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, lương phải phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Do vậy, người lao động trong Công ty ngoài việc được hưởng lương quy định còn được hưởng phần tăng thêm phù hợp với năng suất và hiệu quả công việc. Ngoài ra, Công ty còn đặc biệt dành các phần thưởng đột xuất cho các đóng góp sáng tạo, cải tiến cho mọi khâu quy trình quản lý và kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, hàng năm nhân viên Công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi vào các dịp lễ, tết; được Công ty quan tâm tổ chức cho các chuyến đi tham quan, nghỉ dưỡng. Bên cạnh đó, Công ty luôn trích một phần lợi nhuận hằng năm làm quỹ phúc lợi để thăm hỏi cán bộ nhân viên và gia đình khi có việc riêng như cưới, hỏi, đau ốm,...





### *Chương III*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- » Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tình hình tài chính
- » Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





## Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đã có một năm hoạt động kinh doanh tương đối thành công trong bối cảnh đại dịch Covid-19 đã có những tác động đa chiều đến đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam và thế giới. Công ty đã đạt được một số thành quả nhất định. Cụ thể, tổng doanh thu cả năm đạt giá trị 4.222.120 triệu đồng 98,19% kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt là 24.062 triệu đồng và 18.472 triệu đồng, vượt kế hoạch đề ra tương ứng 20,31% và 18,45%. Để có được kết quả đó, Công ty đã phải trải qua vô vàn các khó khăn thử thách, tìm kiếm và tận dụng các cơ hội, phát huy điểm mạnh, ưu thế của Công ty.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2019	TH 2020	%TH2020/ TH2019	%TH2020/ KH2020
1	Tổng Doanh thu	4.300.000	4.728.814	4.222.120	89,28%	98,19%
2	Doanh thu bán hàng Bách hóa		3.246.868	3.205.518		
3	Doanh thu bán Xăng dầu		1.166.996	732.687		
4	Lợi nhuận khác	-	27.879	19.769	70,91%	-
5	Lợi nhuận trước thuế	20.000	26.224	24.062	91,76%	120,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	16.000	18.350	18.472	100,66%	115,45%
7	Tỷ lệ cổ tức	8%	15%	8%	100%	53,33%

### Bách hóa

- Công ty vẫn duy trì thị trường truyền thống bán hàng bách hóa ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh và đồng bằng Sông Cửu Long, nhờ vào sự hiểu biết về thói quen và xu hướng của người tiêu dùng trên cơ sở 40 năm hoạt động trên địa bàn.
- Các hợp đồng thương mại liên tục được ký kết trong năm mang đến sự nhộn nhịp trong hoạt động kinh tế, xuất nhập khẩu, đặc biệt là lúa gạo, trái cây, thủy sản,... đã góp phần cải thiện đời sống người dân trong khu vực, đảm bảo duy trì sức tiêu thụ hàng hóa của người dân.
- Tuy nhiên công ty đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các đơn vị thương hiệu lớn, có nguồn lực dồi dào như Coomart, Vinmart, Điện máy Xanh, Điện máy Chợ lớn, Nguyễn Kim và sự ra đời hệ thống Vinshop kết hợp với các tiệm tạp hóa. Hiện, Công ty phải tăng cường hoạt động bán hàng nhằm đảm bảo doanh thu.
- Các nhà cung cấp hàng hóa, đối tác thương mại đã cắt giảm chiết khấu, hoa hồng trong bối cảnh dịch bệnh hoành hành.

### Xăng dầu

- Công ty đã linh hoạt, phản ứng nhanh đối với các công tác nhập kho xăng dầu thành phẩm, đặc biệt là trong giai đoạn giá dầu giảm sâu, giúp giá cả đầu vào cho mặt hàng này giảm đáng kể, cải thiện biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- Tuy nhiên, Công ty phải đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn trong bối cảnh các rào cản gia nhập ngành bán lẻ phân phối mặt hàng này được nới rộng, đồng thời là sự mở rộng của các hệ thống xăng dầu như PV Oil, Petrolimex,...
- Các gián đoạn chuỗi cung ứng và chính sách giãn cách xã hội cũng như các ảnh hưởng của dịch bệnh lên khả năng sản xuất hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu vực đã làm giảm nhu cầu vận tải, lưu thông hàng hóa, ảnh hưởng đáng kể đến doanh số bán xăng dầu của Công ty.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài sản

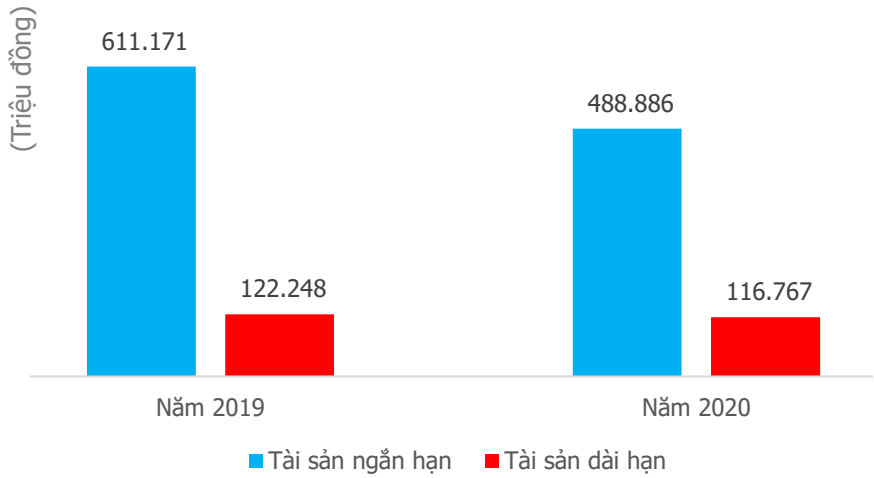
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	% Tăng, giảm
Tài sản ngắn hạn	611.171	83,33%	488.886	80,72%	-20,01%
Tài sản dài hạn	122.248	16,67%	116.767	19,28%	-4,48%
<b>Tổng cộng</b>	<b>733.419</b>	<b>100%</b>	<b>605.653</b>	<b>100%</b>	<b>-17,42%</b>

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2020 đã có biến động mạnh về giá trị, trong khi cơ cấu tài sản không có sự thay đổi quá lớn. Giá trị tổng tài sản đã giảm 127.767 triệu đồng tương ứng mức giảm 17,42% so với năm 2019, chủ yếu đến từ sự sụt giảm của tài sản ngắn hạn. Theo đó, tài sản ngắn hạn của Công ty chỉ còn 488.886 triệu đồng, chiếm 80,72% giá trị tổng tài sản, đã giảm 122.285 triệu đồng khi tham chiếu với năm trước. Đóng góp chủ yếu cho mức giảm 20,01% của tài sản ngắn hạn là khoản giảm liên quan đến hàng tồn kho có giá trị tương đương 76.777 triệu đồng do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của Công ty trong năm 2020 không bằng năm 2019, nhất là vào các dịp lễ, Tết khi tình hình dịch bệnh đang có những diễn biến phức tạp, tái phát nhiều lần trong năm. Bên cạnh đó, Camex cũng ghi nhận các khoản phải thu đã giảm 22.685 triệu đồng, chủ yếu là các khách hàng bách hóa, mang lại khoản tiền lớn, góp phần ổn định sức khỏe dòng tiền của Công ty.

Tính đến cuối năm 2020, giá trị tài sản dài hạn của Công ty đạt 116.767 triệu đồng, giảm 4,48% so với cùng kỳ, giảm tương ứng 5.481 triệu đồng. Trong đó, khoản giảm lớn nhất được xác định là nguyên giá của các tài sản cố định với giá trị 4.692 triệu đồng, do Công ty thanh lý một số máy móc, thiết bị không còn hoạt động hiệu quả.

Tình hình tài sản



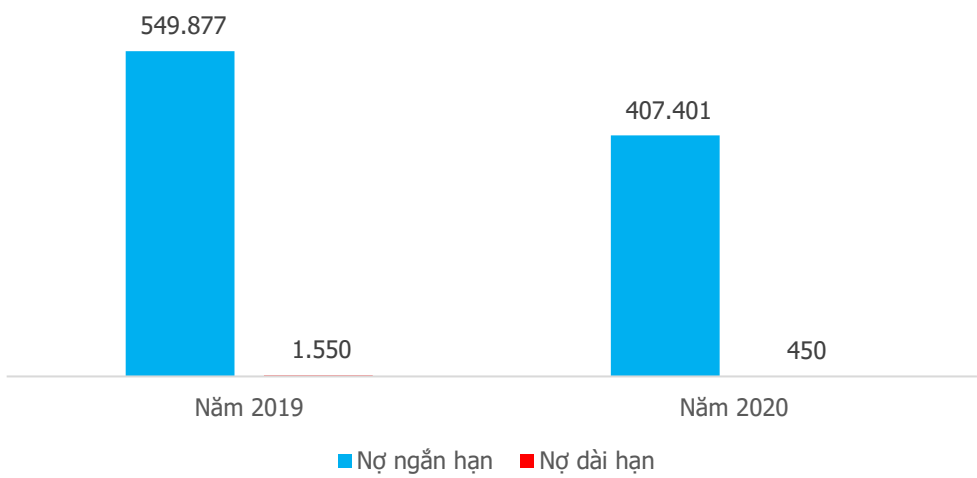
### Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	% Tăng, giảm
Nợ ngắn hạn	549.877	99,72%	407.401	99,89%	-25,91%
Nợ dài hạn	1.550	0,28%	450	0,11%	-70,97%
<b>Tổng cộng</b>	<b>551.427</b>	<b>100%</b>	<b>407.851</b>	<b>100%</b>	<b>-26,04%</b>

Giá trị nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2020 là 407.851 triệu đồng, đã giảm 143.576 triệu đồng, tương ứng 26,04%. Cơ cấu nợ năm 2020 vẫn tương tự năm 2019 với tỷ trọng lớn thuộc về nợ ngắn hạn, đạt 99,89%. Nợ ngắn hạn của Công ty đạt giá trị đạt 407.401 triệu đồng, đã giảm 25,91% so với năm 2019. Trong đó, các khoản phải trả cho người bán là khoản giảm lớn nhất, đóng góp cho mức giảm trên với tổng giá trị 87.430 triệu đồng. Cùng với đó, Công ty đã giảm các khoản vay tín dụng từ các ngân hàng thương mại với tổng giá trị gần 52.396 triệu đồng. Theo đó, việc giảm khối lượng nhập kho các loại hàng hóa trước tình hình phức tạp của dịch bệnh đã làm giảm nhu cầu tài trợ bằng nợ của Công ty đối với hàng tồn kho, góp phần làm giảm các chi phí tài chính liên quan.

Tình hình nợ phải trả







## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

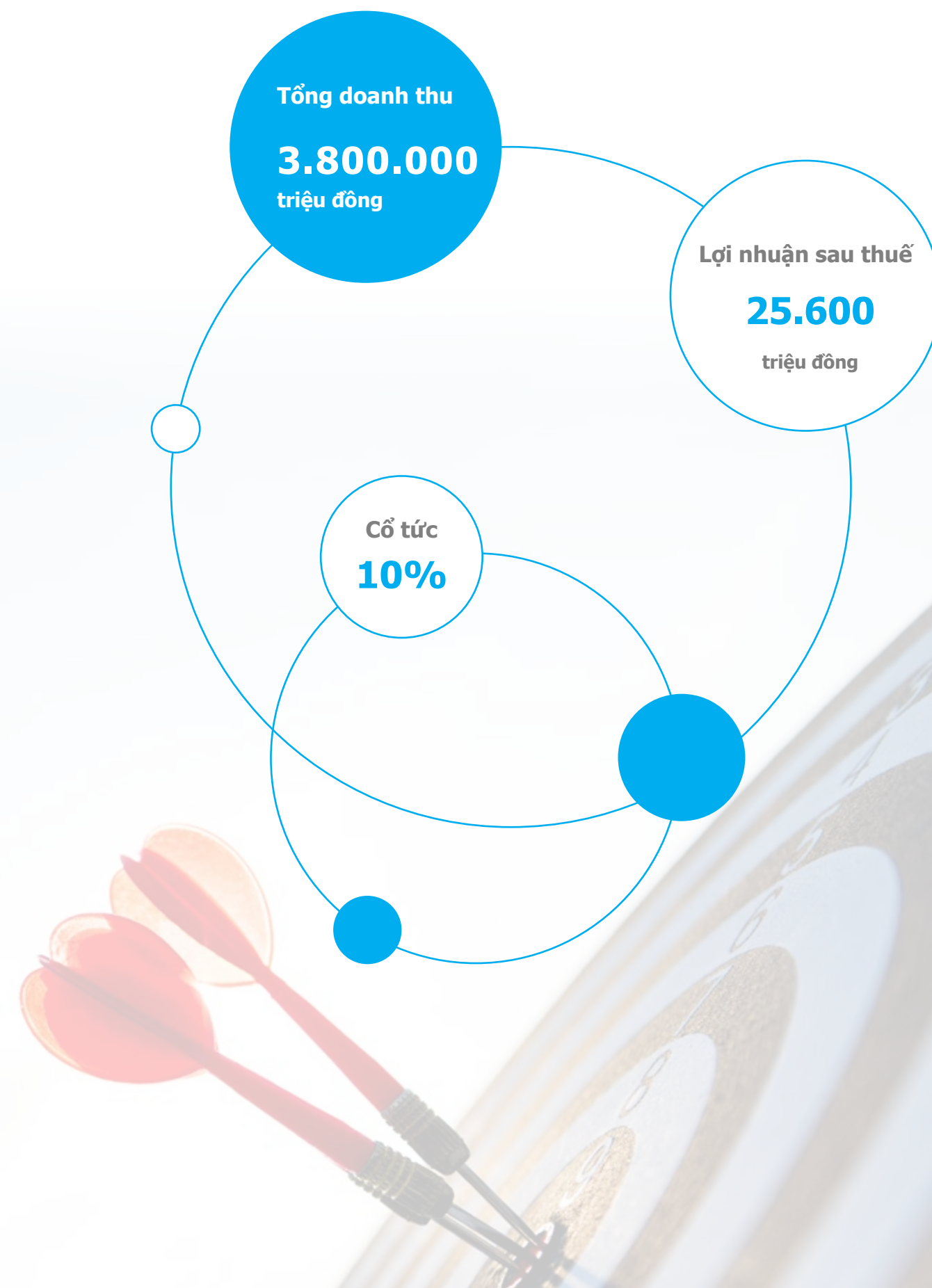
Công ty đã đẩy mạnh hoạt động bán hàng giúp đảm bảo duy trì thị phần của mình ở địa bàn kinh doanh truyền thống là khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và thành phố Hồ Chí Minh. Công tác quản trị hàng tồn kho cũng được thắt chặt thông qua các hoạt động nghiên cứu, dự báo cung cầu của thị trường. Đối với các kho bãi, Công ty đã tiến hành đầu tư, tái cơ cấu các kho chứa, nâng cấp, áp dụng kỹ thuật công nghệ đảm bảo hiệu quả lưu trữ tối đa, tối ưu hóa các nguồn chi phí và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong tương lai.



Phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh đối hoạt động vận chuyển xăng dầu đã được thay thế, cụ thể là **02 tàu sắt**, giúp Công ty tiết kiệm được thời gian, và chi phí vận hành so với việc sử dụng 03 ghe vận chuyển (hết hạn sử dụng). Đồng thời, xe tải nhỏ cũng được sửa chữa, bảo trì nhằm mang lại hiệu quả cao nhất với nhu cầu xuất nhập hàng hóa của Công ty. Các hệ thống cửa hàng cũng được chỉnh trang, sửa chữa, mang đến cho không gian mới, nâng cao trải nghiệm mua sắm của người tiêu dùng. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét đóng cửa các cửa hàng không mang lại kết quả kinh doanh khả quan, góp phần cải thiện hiệu quả của các công tác quản lý và bán hàng trong tương lai.



## Kế hoạch phát triển trong tương lai







## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Nằm bắt được tầm ảnh hưởng của môi trường đến doanh nghiệp và người dân, Công ty luôn có ý thức cao trong các hoạt động có tác động đến môi trường xung quanh. Toàn bộ nhân viên Camex được Ban lãnh đạo tuyên truyền và phổ biến các thông tin và các hoạt động tham gia bảo vệ môi trường:

- » Công ty khuyến khích nhân viên, người lao động sử dụng các loại sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng các sản phẩm như túi, hộp nhằm hạn chế lượng lớn rác thải nhựa.
- » Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm về giữ gìn vệ sinh cơ quan, sống xanh để bảo vệ môi trường,... qua đó giúp nâng cao ý thức của từng cá nhân
- » Khuyến khích nhân viên sử dụng nước, năng lượng một cách hợp lý, tránh lãng phí.
- » Kiểm soát chặt chẽ quy trình thu gom và xử lý rác thải đúng quy định, tiêu chuẩn.
- » Tăng cường công tác giám sát, xây dựng biện pháp nhằm phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường thông qua quá trình kinh doanh, vận chuyển.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Tích cực tham gia và phối hợp với BCH Công đoàn cơ sở vận động tham gia ủng hộ công tác từ thiện xã hội.
- Tặng **01 cây cầu nông thôn** (Cầu Ông Nghệ ở xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, Cà Mau) trị giá **300.000.000** triệu và **25 chiếc xe đạp** trị giá **23 triệu đồng** cho học sinh nghèo ở xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn, Cà Mau
- Ủng hộ tập cho học sinh nghèo **1.000 quyển**, trị giá **3.800.000** đồng
- Tặng **10.000 quyển tập** cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn huyện Năm Căn trị giá **37.000.000** đồng
- Ủng hộ quỹ khuyến học cho trường Tiểu học Nguyễn Tạo và trường Phan Ngọc Hiển, số tiền **25.000.000** đồng
- Tặng quà cho hộ nghèo P1, P5, P9 và Trung tâm Bảo trợ Xã hội, Trung tâm bệnh tâm thần trị giá **117.727.297** đồng
- Tặng quà Tết cho người nghèo P1, P5 **7.650.000** đồng
- Ủng hộ cho LĐLĐ tỉnh Cà Mau kinh phí tổ chức Tết sum vầy 2020 số tiền 3.000.000 đồng

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, kết hợp cùng Công đoàn cơ sở công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động hằng năm

Chính sách trả lương thưởng luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của công ty

Tiếp tục duy trì và điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho người lao động cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty như: Tặng quà sinh nhật trị giá 1.000.000đ/đoàn viên, hiếu hỷ 1.000.000đ/đoàn viên, chưa đoàn viên công đoàn 500.000đ/trưởng hợp; thăm hỏi khi NLĐ ốm đau, bệnh tật; hiếu hỷ tổng số tiền là 340.576.000 đồng. Trích quỹ tương trợ giải quyết cho 11 lượt đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn vay trên 153.000.000 đồng với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà góp phần hỗ trợ người lao động vượt qua khó khăn an tâm công tác và hỗ trợ cho 03 đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn 16.000.000 đồng

Khen thưởng và tặng danh hiệu nữ 2 giỏi năm 2020 cho 121 chị, số tiền 24.200.000 đồng

Hằng năm nhân dịp các ngày Lễ lớn công đoàn cùng với đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Hội thao ngày thành lập đoàn thanh niên và công đoàn, họp mặt ngày 08/3; 20/10, tặng quà cho người lao động, lao động nữ, tạo được sinh khí vui tươi, phấn khởi trong người lao động. Tổng chi phí là 118.517.362 đồng

Tặng quà và khen thưởng các cháu thiếu nhi, học sinh có học lực từ khá trở lên nhân ngày 01/6 và Tết Trung thu, số tiền 106.400.000 đồng

Trong năm qua, công ty đã tổ chức cho 346 người lao động tham quan du lịch trong và ngoài nước (255 người đi trong nước, 91 người đi nước ngoài).

Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thay sản, ốm đau, khám sức khỏe định kỳ kịp thời; ... Nghiêm túc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động từ năm 2020 Công ty đã đóng tổng số tiền là 14.575.219.180 đồng, cụ thể:

- + BHXH: 11.569.548.111 đồng
- + BHYT: 2.098.255.531 đồng
- + BHTN: 907.415.538 đồng







## *Chương IV*

# **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- » Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- » Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020/2019	%TH 2020/KH 2020
Tổng doanh thu	4.728.814	4.300.000	4.222.120	89,28%	98,19%
Lợi nhuận trước thuế	26.224	20.000	24.062	91,76%	120,31%
Lợi nhuận sau thuế	18.350	16.000	18.472	100,66%	115,45%

Bối cảnh khó khăn của năm 2020, công ty phải đương đầu với sự thay đổi mạnh mẽ của các yếu tố vĩ mô, vĩ mô cũng như sự gia tăng mức độ cạnh tranh trong thị trường. Thực trạng của năm 2020 như sau:

- Các mặt hàng bách hóa tuy chịu tác động khá nhỏ từ đại dịch nhưng sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường đã phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Đồng thời, các bên cung ứng hàng hóa cho Công ty cũng đã giảm các hạn mức chiết khấu nên kết quả cả năm chưa đạt được kỳ vọng của Hội đồng quản trị
- Giá xăng dầu thế giới thay đổi bất thường do các mâu thuẫn của các quốc gia sản xuất dầu trong khối OPEC, sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu khi chuỗi cung ứng gián đoạn trên toàn cầu.
- Giá xăng dầu trong nước có vẻ nhất định so với thế giới do sự quản lý của Bộ Công thương theo chu kỳ điều chỉnh giá 15 ngày.
- Các công ty trên địa bàn kinh doanh của Camex chịu ảnh hưởng nặng nề từ COVID-19 – giảm các đơn đặt hàng, giảm công suất hoạt động ở các nhà máy, và giảm lưu thông hàng hóa trong khu vực.
- Các nguồn vay của các ngân hàng tính đến thời điểm 2020 vẫn khó có thể tiếp cận do nhiều thủ tục, ràng buộc theo quy định và mặt bằng lãi suất cho vay vẫn còn rất cao.
- Điều kiện thời tiết cũng tương đối phức tạp, yêu cầu Công ty phải chi thêm một khoản tiền nhằm đảm bảo các điều kiện vận chuyển, lưu trữ hàng hóa. Cơ sở hạ tầng giao thông cũng chưa được thật sự tốt khi tình trạng xuống cấp, sụt lún xảy ra thường xuyên, gây khó khăn trong công tác vận chuyển, xuất nhập hàng hóa, làm tăng các chi phí sửa chữa, bảo trì các phương tiện.



Tuy nhiên, toàn thể cán bộ nhân viên đã có những nỗ lực đáng ghi nhận, giúp mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông và các bên liên quan. Theo đó, **lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế** của Công ty đều vượt kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua lần lượt là **20,31%** và **15,45%**. Đó là kết quả khả quan khi Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra hàng loạt các chính sách liên quan, đặc biệt là đẩy mạnh hoạt động bán hàng, kiểm soát tốt các chi phí hoạt động kinh doanh và quản lý chặt chẽ hàng hóa tồn kho và được người lao động nghiêm túc triển khai thực hiện.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc luôn quan tâm đến công tác nâng cao nhận thức “Văn minh văn hóa thương nghiệp”, tạo một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau thông qua việc xây dựng nội quy, quy chế phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp trong nội bộ cũng như đối với các đối tác, khách hàng trong môi trường thân thiện, tôn trọng và đoàn kết.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với lực lượng lao động. Các hoạt động đào tạo, tái đào tạo luôn được lên kế hoạch và tổ chức thực hiện định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nhân sự, cải thiện khả năng, kỹ năng bán hàng cùng các kiến thức chuyên môn. Chính sách lương thưởng và phúc lợi cũng được thực hiện đầy đủ, giúp cán bộ có thể yên tâm làm việc, cống hiến cho Công ty.





## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng được ghi nhận trong bối cảnh “Bình thường mới” của xã hội, và những thay đổi pháp lý chuẩn bị cho giai đoạn mới, thập kỷ mới. Hội đồng quản trị đã triển khai các biện pháp đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Giám sát, chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh; theo dõi sát sao các biến động từ thị trường và đề ra giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020.
- Chỉ đạo công tác cập nhật và công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục đầu tư cho nghiên cứu và phát triển để cải tiến quy trình kinh doanh, áp dụng những công nghệ quản lý tiên tiến vào công ty.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2020 của Công ty của công ty mẹ và các công ty con.
- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phù hợp với tình hình đất nước và quy định của Chính Phủ.



## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với việc ghi nhận kết quả kinh doanh sản xuất khả quan bất chấp các khó khăn thử thách trong năm 2020, Hội đồng quản trị đưa ra đề xuất mục tiêu hoạt động cho năm 2021 như sau:

- Tổng doanh thu: 3.800.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 25.600.000.000 đồng
- Chi cổ tức: 10%
- Thu nhập bình quân của người lao động: 8.200.000 đồng/người/tháng

Theo đó, trước diễn biến phức tạp và khó lường của dịch bệnh COVID-19 cũng như bối cảnh vĩ mô và điều kiện ngành như hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch thực hiện cho năm 2021 bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao phó, có thể kể đến:

- Cơ cấu và đánh giá lại các nhà cung cấp, đặc biệt trong ngành hàng bách hóa.
- Cơ cấu ngành hàng kinh doanh, các mặt hàng bách hóa, dầu nhờn và gas.
- Đầu tư phát triển: triển khai và hoàn thiện các công việc đang dang dở của năm 2020, đặc biệt chú trọng khu vực Năm Căn.
- Cơ cấu tài sản của công ty; xác định mục đích sử dụng của từng tài sản để phù hợp với định hướng của công ty.
- Cơ cấu tổ chức và điều chỉnh chính sách quản lý của công ty.
- Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống kho bãi, cửa hàng trên cơ sở vật chất hiện có đồng thời chú trọng vào việc xây dựng quy trình quản trị hàng tồn kho được hiệu quả để tiết kiệm chi phí lưu kho và đạt hiệu quả cao trong tình hình kinh tế hiện tại.
- Tiếp tục đàm phán bổ sung những chính sách kinh doanh phù hợp từ các đối tác để cùng phát triển tốt thị trường và có hiệu quả với các hợp đồng kinh doanh hiện tại nhằm thu hút khách hàng, gia tăng thị phần, tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Đề cao truyền thống đoàn kết trong doanh nghiệp, giữa đồng nghiệp cần chia sẻ khó khăn nhất là trong thời kỳ Covid 19, sự cắt giảm nhân sự là phương pháp tạm thời. Mọi người từ lãnh đạo đến nhân viên đồng lòng vượt qua giai đoạn khủng hoảng.
- Xây dựng chiến lược bán hàng đa dạng, chiết khấu đa dạng, xây dựng cơ sở vật chất ngày càng khang trang và sạch sẽ nhằm cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.
- Cuối cùng là tập trung vào vai trò tiên phong tiêu biểu trong quản lý và điều hành của lãnh đạo. Luôn đặt đạo đức kinh doanh lên hàng đầu, tuân thủ quy định pháp luật và minh bạch, rõ ràng trong tài chính của công ty.
- Tiếp tục tập trung hàng đầu công tác đào tạo phát triển nguồn lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo có lực lượng kế thừa, bổ sung những lực lượng lao động trẻ có kiến thức, có đạo đức và nhiệt huyết...
- Đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động, cổ đông và cộng đồng xã hội.





## *Chương V*

# **Quản trị Công ty**

- » Hội đồng quản trị
- » Ban Kiểm soát
- » Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích





## Hội đồng quản trị

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên HĐQT
5	Ông Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT
6	Ông Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT độc lập
7	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập

### Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

#### Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh** 24/12/1964
- Nơi sinh** Hà Nội
- Quốc tịch** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn** Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quá trình công tác**
- 1988 – 1992: Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè – Công ty xăng dầu Khu vực II.
  - 1993-2009: Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II.
  - 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng.
  - 2010 – 2011: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong.
  - 2011 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong.
  - 05/05/2018 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 6.172.996 cổ phần
- **Đại diện công ty:** 6.172.996 cổ phần
  - **Cá nhân sở hữu:** Không

#### Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT

- Xem lý lịch ở chương II - Tổ chức và nhân sự

#### Ông Lê Xuân Trình – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh** 16/01/1961
- Nơi sinh** Hưng Yên
- Quốc tịch** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn** Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý.
- Quá trình công tác**
- 12/2006 – 06/2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).
  - 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
  - 04/05/2014 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:**
- Đại diện công ty: 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần).
  - Cá nhân sở hữu: 2.158 cổ phần

#### Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên HĐQT

- Ngày sinh** 10/10/1972
- Nơi sinh** Thái Bình
- Quốc tịch** Việt Nam
- Trình độ chuyên môn** Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại – Kỹ thuật viên xăng dầu.
- Quá trình công tác**
- 1992 – 1994: Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex.
  - 2005 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng.
  - 05/05/2018: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
- Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần





Ông Phù Chí Anh – TV HĐQT

- Xem lý lịch ở chương II - Tổ chức và nhân sự

Ông Dương Xuân Phát – TV HĐQT độc lập

**Ngày sinh** 23/11/1959  
**Nơi sinh** Vĩnh Long  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn** Cử nhân Tài chính – Kế toán  
**Quá trình công tác**

- 1983 – 1992: Cán bộ phòng kế hoạch Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long.
- 06/1992 – 1993: Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long.
- 07/1993 – 1994: Trưởng phòng nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long (Ban Tài Chính Tỉnh Ủy Vĩnh Long).
- 1994 – 09/1996: Tổ trưởng Tổ kinh doanh – Phòng kinh doanh Công ty Sài Gòn Petro (Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM).
- 09/1996 – 03/1997: Giám đốc chi nhánh Công ty Sài Gòn Petro tại Vũng Tàu.
- 04/1997 đến 2016: Phó phòng kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty Sài Gòn Petro.
- 08/2016 đến 12/2018: Phó Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng.
- 05/05/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

**Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT độc lập

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần

Ông Nguyễn Văn Khánh – TV HĐQT độc lập

**Ngày sinh** 14/08/1982  
**Nơi sinh** Long An  
**Quốc tịch** Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn**

- Thạc sỹ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
- **Cử nhân Anh văn**

**Quá trình công tác**

- Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt: Phó Giám đốc Phụ trách điều hành CN TP.HCM
- Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau (Seaprimexco): Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (VHC): Thành viên Hội đồng quản trị

**Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Thành viên HĐQT độc lập

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần.



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	02/02	100%
2	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	02/02	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	02/02	100%
4	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên HĐQT	02/02	100%
5	Ông Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT	02/02	100%
6	Ông Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT độc lập	01/01	100%
7	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập	01/01	100%

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT-2020	13/05/2020	Về việc thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán; thông qua báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2020; thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2020; thông qua kế hoạch sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; thông qua kế hoạch giải thể: Cửa hàng xăng dầu Đầm Cù, Cửa hàng xăng dầu Tân Trung, Cửa hàng xăng dầu Tân Tiến; thông qua kế hoạch tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, thông qua quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua kế hoạch mua sắm, sửa chữa năm 2020
2	Số 02/2020/NQ-HĐQT	27/07/2020	Vv Miễn nhiệm thư ký Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đối với ông Phù Chí Anh, bổ nhiệm thư ký Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đối với ông Lâm Quốc Khánh; Thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần In Bạc Liêu.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị

Năm 2020, Hội đồng quản trị Camex hoạt động theo Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cũng như tuân thủ theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn quản trị Công ty đại chúng.

Trong năm 2020, tuân thủ quy định nội bộ cũng như đảm bảo sự phát triển Công ty, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp để đưa ra những chỉ đạo kịp thời trước sự những biến động kinh tế xã hội trong và ngoài nước.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát tình hình tuân thủ pháp luật, chấp hành các quy định và tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển cùng kế hoạch kinh doanh hàng năm của bộ máy điều hành các cấp.
- Duy trì hoạt động thường xuyên, tổ chức các buổi họp bàn để thống nhất định hướng thực hiện trên tinh thần được ĐHCĐ giao phó, liên tục cập nhật tình hình và kết quả hoạt động, sâu sát trong công tác giám sát Ban Điều hành; đảm bảo yêu cầu về số lượng và chất lượng cuộc họp theo quy định của Công ty, cũng như đảm bảo số thành viên tham dự đầy đủ để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- Định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của Công ty như quản lý rủi ro, cải thiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh.
- Kiểm tra giám sát mọi mặt hoạt động để đảm bảo tính phát triển nhanh và bền vững, đồng thời đảm bảo hiệu quả ổn định lâu dài cho Công ty.

Ngoài ra, trong năm, Đại hội đồng cổ đông cũng đã thông qua việc bổ nhiệm 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên độc lập hội đồng quản trị đã có những đóng góp vào các quyết định quan trọng của Công ty, đặc biệt là trong việc giám sát công tác điều hành, đưa ra các ý kiến mang tính trung lập đối với các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, các thành viên độc lập hội đồng quản trị đã đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông nhỏ lẻ, cổ đông thiểu số cũng như các chủ thể khác như chủ nợ, người lao động, khách hàng.



Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	2	100%
2	Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	2	100%
3	Ông Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	2	100%

Ông Đỗ Cao Sơn – Trưởng Ban Kiểm Soát

**Ngày sinh** : 1987  
**Nơi sinh** : Việt Nam  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh Tế  
**Quá trình công tác:** Chuyên viên tư vấn dịch vụ kế toán và thuế - Công ty TNHH kế toán Kim Thủy  
**Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Phụ trách kế toán – Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Long Hưng  
**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần.

Ông Trần Chí Hiếu – Kiểm Soát viên

**Ngày sinh** : 05/07/1962  
**Nơi sinh** : Cà Mau  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính – Kế toán  
**Quá trình công tác**  
09/1981 - 04/1997 Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.  
05/1997 - 11/2007 Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.  
12/2007 – 05/05/2018 Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt.  
05/05/2018 – nay: Kiểm soát viên CTCP Thương Nghiệp Cà Mau.  
**Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau  
**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt  
**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 74.967 cổ phần

Ông Ngô Thế Anh – Kiểm Soát viên

**Ngày sinh** : 15/07/1983  
**Nơi sinh** : Cà Mau  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Luật  
**Quá trình công tác**  
- 7/2006 - 5/2008: Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh  
- 5/2008 - 2/2011: Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)  
- 2018 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau  
**Các chức vụ công tác hiện nay tại công ty:** Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau  
**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt  
**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần





## Ban Kiểm soát (tt)

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm, BKS đã phân công tham gia các hoạt động kiểm kê để kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động sau:

- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành doanh nghiệp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc qua đó nhận thấy HĐQT và Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo Điều lệ, quy chế quản trị và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- » Giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của công ty. BKS đưa ra kết luận Công ty cập nhật sổ sách, phần mềm kế toán đầy đủ, chi tiết, ghi nhận đúng theo quy định Công ty. Về các chỉ số tài chính như công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, hàng hoá vật liệu,... được theo dõi thường xuyên, trung thực và được kiểm toán thông qua.
- » Thẩm tra các BCTC quý và BCTC hợp nhất. BCTC được trình bày đúng biểu mẫu, đầy đủ theo Luật quy định, phù hợp các Chuẩn mực Kế toán tại Việt Nam. Đảm bảo các số liệu phản ánh minh bạch, rõ ràng. Kết quả giám sát cho thấy chưa phát hiện trường hợp sai phạm.
- » BKS thống nhất với toàn bộ nội dung đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT được xác định trong Báo cáo tổng kết của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2021.
- » Về vấn đề phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được đề cập và thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Hội đồng quản trị dưới sự ủy quyền của các cổ đông đã hoàn thành cơ bản các thủ tục, quy trình về tăng vốn điều lệ, hoàn thành đợt phát hành trong quý I/2021.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của Công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.



## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

Tên	Vai trò	Lương/ Thù lao	Thưởng
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	84.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	TV HĐQT	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Hiền	TV HĐQT	60.000.000	-
Ông Lê Xuân Trình	TV HĐQT	60.000.000	-
Ông Phù Chí Anh	TV HĐQT	30.000.000	-
Ông Dương Xuân Phát	TV HĐQT độc lập	60.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	TV HĐQT độc lập	30.000.000	-
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	48.000.000	-
Trần Chí Hiếu	TV BKS	36.000.000	-
Ngô Thế Anh	TV BKS	36.000.000	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	644.093.333	350.000.000
Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	389.044.573	105.000.000
Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	383.885.000	-
Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	386.532.147	135.000.000

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ** Không có.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Đơn vị tính: Đồng

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Mua hàng	386.537.399.016
	Thanh toán	430.805.506.981

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được Camex chú trọng hàng đầu và được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty nhằm đảm bảo thực hiện các hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất. Vì mục tiêu, lợi ích của Camex và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, Camex đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng. Trong năm 2020, Camex tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị mang bản sắc, giá trị cốt lõi của riêng Công ty, tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên HĐQT và BTGD thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, Ban lãnh đạo Công ty có thể hiểu rõ các quy định trong văn bản hướng dẫn Luật mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





## Chương VI

# Báo cáo tài chính kiểm toán 2020

- » Ý kiến kiểm toán
- » Báo cáo tài chính kiểm toán 2020



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 08 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



**ThS. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1523-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

**ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nga - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0351-2018-071-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>488.885.802.913</b>	<b>611.171.210.249</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>41.921.719.732</b>	<b>57.717.871.258</b>
111	1. Tiền		41.921.719.732	57.717.871.258
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>18.500.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	18.500.000.000	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>119.433.170.769</b>	<b>154.248.964.195</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	91.422.755.329	114.107.137.537
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	6.297.746.415	14.297.655.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	24.660.537.080	28.568.710.703
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.377.381.476)	(3.068.995.130)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	429.513.421	344.455.901
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>307.249.580.528</b>	<b>384.027.482.258</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.8	307.249.580.528	384.027.482.258
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.781.331.884</b>	<b>5.176.892.538</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	471.701.237	371.082.538
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.309.630.647	4.805.810.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>116.766.872.367</b>	<b>122.248.090.713</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.316.720.000</b>	<b>2.551.980.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.316.720.000	2.551.980.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>94.638.878.701</b>	<b>101.760.820.763</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	59.129.256.713	66.167.703.906
222	- Nguyên giá		158.395.213.230	163.087.634.127
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(99.265.956.517)	(96.919.930.221)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.509.621.988	35.593.116.857
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.639.344.675)	(1.555.849.806)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.094.957.400</b>	<b>1.385.551.704</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.094.957.400	1.385.551.704
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.2b	<b>5.532.436.600</b>	<b>5.192.720.900</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.967.140.600)	(3.306.856.300)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.183.879.666</b>	<b>11.357.017.346</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	13.183.879.666	11.357.017.346
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>605.652.675.280</b>	<b>733.419.300.962</b>

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>407.850.898.592</b>	<b>551.426.808.909</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>407.400.898.592</b>	<b>549.876.808.909</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	122.692.331.509	210.121.951.243
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	1.076.951.846	1.259.826.117
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	5.064.823.901	4.566.353.401
314	4. Phải trả người lao động	V.16	19.137.836.913	20.802.946.817
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	2.100.997.709	2.293.522.914
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	844.880.045	872.603.954
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	3.202.955.638	3.526.463.611
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	251.205.346.790	303.600.985.788
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.074.774.241	2.832.155.064
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>450.000.000</b>	<b>1.550.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	450.000.000	450.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	1.100.000.000
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>197.801.776.688</b>	<b>181.992.492.053</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	<b>197.801.776.688</b>	<b>181.992.492.053</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		121.039.120.000	121.039.120.000
411a	- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.039.120.000	121.039.120.000
411b	- Có phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.217.312.764	28.395.005.354
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.777.187.287	21.314.417.017
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		17.801.682.541	5.419.210.764
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.975.504.746	15.895.206.253
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.380.366.637	7.856.159.682
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>605.652.675.280</b>	<b>733.419.300.962</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Tổng Giám đốc

PHỦ CHÍ ANH

PHỦ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.222.119.804.921	4.728.813.920.038
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	44.861.685	37.134.286
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.222.074.943.236	4.728.776.785.752
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.034.384.187.237	4.549.080.387.852
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		187.690.755.999	179.696.397.900
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	7.612.341.689	8.076.964.256
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	15.433.611.776	16.805.907.483
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		15.601.810.112	16.611.045.901
24	8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	152.428.025.479	147.793.726.562
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	23.148.778.224	24.828.823.721
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.292.682.209	(1.655.095.610)
31	12. Thu nhập khác	VI.8	20.048.495.261	27.889.334.076
32	13. Chi phí khác	VI.9	279.316.428	10.546.982
40	14. Lợi nhuận khác		19.769.178.833	27.878.787.094
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.061.861.042	26.223.691.484
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	5.589.928.141	7.873.502.415
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.471.932.901	18.350.189.069
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		17.255.999.208	16.736.932.928
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.215.933.693	1.613.256.141
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	1.283	1.244
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	1.283	1.244

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.061.861.042	26.223.691.484
02	2. Điều chỉnh các khoản		20.832.144.442	22.663.920.419
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	8.192.682.970	7.987.687.123
04	- Các khoản dự phòng	V.5-12	32.966.504	398.555.282
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.736.156.072)	(2.701.573.536)
07	- Chi phí lãi vay		16.342.651.040	16.979.251.550
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
09	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.894.005.484	48.887.611.903
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu	V.8	38.515.103.583	8.766.844.314
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		76.777.901.730	(43.795.720.989)
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(86.275.801.684)	(23.673.217.981)
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.8	(1.927.481.019)	(7.211.089.523)
14	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
15	- Tiền lãi vay đã trả		(16.383.293.062)	(16.894.793.040)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(6.733.563.379)	(8.026.925.079)
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
18	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(2.971.489.089)	(2.714.783.844)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.895.382.564	(44.662.074.239)
21	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.096.749.709)	(8.693.147.951)
23	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		32.727.272	9.000.000
24	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.500.000.000)	-
25	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
26	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
28	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.310.688.945	1.649.329.551
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.253.333.492)	(7.034.818.400)
31	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
33	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
34	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	1.796.025.295.318	2.380.351.000.973
35	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(1.849.520.934.316)	(2.347.942.888.002)
36	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
40	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(942.561.600)	(12.926.958.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(54.438.200.598)	19.481.154.071
60	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(15.796.151.526)	(32.215.738.568)
61	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		57.717.871.258	89.933.609.826
62	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	41.921.719.732	57.717.871.258

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và 02 công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi là "Tập đoàn")

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Tập đoàn không có các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6a Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

### 6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

### 6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

### 6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

### 6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

### 6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang	Quốc lộ 61, Ấp 9, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**6i. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm**

Tập đoàn không có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 797 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 806 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.



**3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

**4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**6. Các khoản đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**7. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

**Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

**10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 49-50 năm.

**Tiền thuê nhà trả trước**

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 15 năm.

**Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

**13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**14. Quỹ lương**

Quỹ lương của Tập đoàn được trích trên theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 04/2019/BBH-HĐQT và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Quỹ lương của Công ty CP Thương nghiệp Cà mau được trích trên cơ sở: 650 người x 8.000.000 x 12 tháng.

Quỹ lương của Công ty TNHH MTV Bách Việt được trích trên cơ sở: 52 người x 8.000.000 x 12 tháng.

Quỹ lương của Công ty CP In Bạc Liêu được trích trên cơ sở: 120 người x 7.500.000 x 12 tháng.



**15. Vốn chủ sở hữu****Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức chính thức.

**16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm chủ yếu là hàng bán lẻ và xăng dầu**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

**17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

**18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

**19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**20. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Bách Việt (công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Công ty CP In Bạc Liêu được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

**23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**24. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**25. Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**26. Số liệu so sánh**

	Số năm trước	Các điều chỉnh	Số năm trước trình bày lại (*)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.224	20	1.244
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.224	20	1.244

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại trên Báo cáo tài chính do điều chỉnh lại số tiền trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐ-2020 ngày 20 tháng 6 năm 2020.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	24.671.901.101	28.247.333.120
Tiền gửi ngân hàng	17.249.818.631	29.470.538.138
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>41.921.719.732</b>	<b>57.717.871.258</b>

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, cầm cố để đảm bảo vay.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	18.500.000.000	18.500.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh V.20).



**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý <sup>(*)</sup>	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.967.140.600)</b>	<b>5.532.436.600</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(3.359.379.300)</b>	<b>5.192.720.900</b>
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(2.551.692.800)	1.634.678.200	4.186.371.000	(2.990.265.000)	1.196.106.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(131.615.600)	180.384.400	312.000.000	(141.419.100)	170.580.900
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	426.000.000	(171.960.000)	254.040.000	426.000.000	-	426.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	(111.872.200)	441.834.000	553.706.200	(175.172.200)	378.534.000
<b>Cộng</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(2.967.140.600)</b>	<b>5.532.436.600</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(3.359.379.300)</b>	<b>5.192.720.900</b>

<sup>(\*)</sup> Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

– Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.306.856.300)	(3.359.379.300)
Trích lập dự phòng	(371.810.500)	(22.788.000)
Hoàn nhập dự Phòng	711.526.200	75.311.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.967.140.600)</b>	<b>(3.306.856.300)</b>

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

*Cam kết góp vốn*

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trong tương lai.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Phải thu các khách hàng của nhóm hàng*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>91.422.755.329</b>	<b>114.107.137.537</b>
Phải thu khách hàng Xăng dầu	2.662.278.799	9.765.196.056
Phải thu khách hàng Bách hóa	84.846.902.610	100.036.732.596
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	2.628.472.910	3.389.688.085
Các khách hàng khác	1.285.101.010	915.520.800
<b>Cộng</b>	<b>91.422.755.329</b>	<b>114.107.137.537</b>

*Phải thu các khách hàng của chi nhánh, cửa hàng*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>91.422.755.329</b>	<b>114.107.137.537</b>
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	8.174.024.907	11.643.203.740
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	11.017.705.334	13.410.586.053
CN Công ty CP TN Cà Mau tại Kiên Giang	14.083.811.633	10.685.946.442
Cửa hàng Bách hóa An Minh	6.262.280.566	7.671.545.764
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Tp. Cà Mau	5.029.008.398	7.058.283.466
Các khách hàng khác	46.855.924.491	63.637.572.072
<b>Cộng</b>	<b>91.422.755.329</b>	<b>114.107.137.537</b>

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	<b>6.297.746.415</b>	<b>14.297.655.184</b>
DNTN Thanh Vũ	1.030.908.800	-
Công ty TNHH Bía và NGK Heineken Việt Nam	1.023.442.236	10.981.904.260
CN Công ty CP Đường Quảng Ngãi	703.064.977	2.022.600
Các khách hàng khác	3.540.330.402	3.313.728.324
<b>Cộng</b>	<b>6.297.746.415</b>	<b>14.297.655.184</b>



## 5. Phải thu khác

## 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.097.959.000</b>	-	<b>308.380.000</b>	-
Tạm ứng	1.097.959.000	-	308.380.000	-
Lưu Hoàng Thống - PTGD	1.097.959.000	-	308.380.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>23.562.578.080</b>	-	<b>28.261.713.703</b>	-
Ký cược, ký quỹ	9.127.562.000	-	10.140.282.690	-
Tạm ứng	1.388.027.717	-	503.313.916	-
Phải thu hàng khuyến mãi hộ (*)	8.807.972.406	-	11.206.983.578	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	191.237.315	-	138.213.160	-
Phải thu ngắn hạn khác	4.047.778.642	-	6.272.920.359	-
<b>Cộng</b>	<b>24.660.537.080</b>	-	<b>28.570.093.703</b>	-

(\*) Phải thu hàng khuyến mãi hộ là khoản chi khuyến mãi hộ trước chờ nhà cung cấp trả lại.

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## Tạm ứng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Phân phối Hàng tiêu dùng Sóc Trăng	574.340.844	15.369.229
Trần Công Đăng	342.277.023	87.776.335
Cá nhân khác	471.409.850	400.168.352
<b>Cộng</b>	<b>1.388.027.717</b>	<b>503.313.916</b>

## Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>9.127.562.000</b>	<b>10.140.282.690</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.150.000.000	2.100.000.000
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	1.820.000.000	1.820.000.000
Các khách hàng khác	4.157.562.000	6.220.282.690
<b>Cộng</b>	<b>9.127.562.000</b>	<b>10.140.282.690</b>

## Phải thu hàng khuyến mãi hộ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.807.972.406</b>	<b>11.206.983.578</b>
Hàng khuyến mãi hộ của Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	5.482.280.510	9.808.595.875
Hàng khuyến mãi hộ của Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	3.325.691.896	1.359.524.246
Các khách hàng khác	-	38.863.457
<b>Cộng</b>	<b>8.807.972.406</b>	<b>11.206.983.578</b>

## 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia và nước giải khát.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.316.720.000</b>	-	<b>2.551.980.000</b>	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.316.720.000	-	2.551.980.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.316.720.000</b>	-	<b>2.551.980.000</b>	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## 6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Bạc Liêu	666.121.313	-	678.152.818	-
Cửa hàng Bách hoá Hậu Giang	421.326.827	-	448.773.318	-
Cửa hàng Bách Hóa An Minh	375.256.950	53.438.920	332.010.216	-
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Năm Căn	345.446.890	10.253.315	336.197.011	-
CN Công ty TN Cà Mau tại Sóc Trăng	345.946.409	-	345.946.409	-
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	374.939.836	-	325.661.639	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	1.432.326.058	520.290.572	1.319.275.262	38.868.725
<b>Cộng</b>	<b>3.961.364.283</b>	<b>583.982.807</b>	<b>3.107.863.855</b>	<b>38.868.725</b>

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.



Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.068.995.130)	(2.732.697.321)
Trích lập trong năm	(418.145.165)	(682.884.547)
Hoàn nhập dự phòng	109.758.819	346.586.738
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(3.377.381.476)</b>	<b>(3.068.995.130)</b>

## 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý.

## 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.814.427.331	-	3.466.509.423	-
Công cụ, dụng cụ	105.010.962	-	129.218.914	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	304.330.142.235	-	380.431.753.921	-
<b>Cộng</b>	<b>307.249.580.528</b>	<b>-</b>	<b>384.027.482.258</b>	<b>-</b>

Trong đó:

- Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp để đảm bảo khoản vay với số tiền 32.904.078.276 VND (xem thuyết minh V.20).

## 9. Chi phí trả trước

### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	74.586.037	77.875.905
Tiền thuê nhà	169.000.000	249.000.000
Chi phí sửa chữa	48.688.866	-
Chi phí khác	179.426.334	44.206.633
<b>Cộng</b>	<b>471.701.237</b>	<b>371.082.538</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	371.082.538	369.491.827
Tăng trong năm	3.021.358.520	3.324.723.434
Phân bổ trong năm	(2.920.739.821)	(3.288.132.723)
Giảm khác	-	(35.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>471.701.237</b>	<b>371.082.538</b>

### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	690.715.468	413.936.641
Tiền thuê đất (*)	9.366.379.163	8.718.543.557
Chi phí sửa chữa	2.939.000.081	2.106.355.330
Tiền thuê nhà	118.181.819	118.181.818
Chi phí khác	69.603.135	-
<b>Cộng</b>	<b>13.183.879.666</b>	<b>11.357.017.346</b>

(\*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc (\*\*), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa.
  - Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019
    - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
    - + Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
    - + Diện tích: 538,5 m<sup>2</sup>
    - + Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
    - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
  - Hợp đồng thuê đất ngày 01 tháng 6 năm 2019
    - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
    - + Theo Giấy chứng nhận số CS 141329 – CS 141330 – CS 141331 – CS 141332 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10 tháng 05 năm 2019.
    - + Diện tích: 351,2 m<sup>2</sup>
    - + Giá trị hợp đồng: 2.960.000.000 VND
    - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/5/2069).
- Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017
  - + Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.



- + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
  - + Diện tích: 567,1 m<sup>2</sup>
  - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 đồng.
  - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

(\*\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, Huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m<sup>2</sup>, giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 đồng.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m<sup>2</sup>, giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 đồng.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141329 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141330 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141331 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141332 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

10. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

11. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

12. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

13. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.357.017.346	4.147.518.534
Tăng trong năm	5.125.209.779	9.301.165.856
Phân bổ trong năm	(3.298.347.459)	(2.091.667.044)
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.183.879.666</b>	<b>11.357.017.346</b>

Công ty thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài do bà Nguyễn Thị Việt Ánh được Công ty ủy quyền đứng tên (xem thuyết minh số V.20).



## 10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	86.785.220.342	37.645.559.996	36.608.899.935	1.645.876.756	402.077.098	163.087.634.127
2. Tăng trong năm	-	-	1.070.740.909	-	-	1.070.740.909
Mua sắm TSCĐ	-	-	1.070.740.909	-	-	1.070.740.909
3. Giảm trong năm	-	(3.900.411.806)	(147.500.000)	-	-	(5.763.161.806)
Giảm do thanh lý	-	(3.900.411.806)	(147.500.000)	-	-	(5.763.161.806)
4. Số cuối năm	86.785.220.342	33.745.148.190	35.816.890.844	1.645.876.756	402.077.098	158.395.213.230
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.971.091.769	19.724.111.917	10.694.980.051	365.540.393	357.640.734	42.113.364.864
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	44.624.288.194	28.573.978.286	22.424.061.551	923.562.093	374.040.097	96.919.930.221
2. Tăng trong năm	3.939.645.950	1.645.388.128	2.135.954.539	381.851.484	6.348.000	8.109.188.101
Tăng do khấu hao	3.939.645.950	1.645.388.128	2.135.954.539	381.851.484	6.348.000	8.109.188.101
3. Giảm trong năm	-	(3.900.411.806)	(1.862.750.000)	-	-	(5.763.161.806)
Giảm do thanh lý	-	(3.900.411.806)	(1.862.750.000)	-	-	(5.763.161.806)
4. Số cuối năm	48.563.934.144	26.318.954.608	22.697.266.090	1.305.413.577	380.388.098	99.265.956.517
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	42.046.963.024	9.177.961.445	14.570.609.591	344.132.846	28.037.000	66.167.703.906
2. Tại ngày cuối năm	38.221.286.198	7.426.193.582	13.119.624.754	340.463.179	21.689.000	59.129.256.713
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 3.057.784.161 VND (Xem thuyết minh số V.20).

- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

## 11. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	849.221.480	849.221.480
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
1. Số đầu năm	706.628.326	849.221.480	1.555.849.806
2. Tăng trong năm	83.494.869	-	83.494.869
Tăng do khấu hao	83.494.869	-	83.494.869
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	790.123.195	849.221.480	1.639.344.675
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	35.593.116.857	-	35.593.116.857
2. Tại ngày cuối năm	35.509.621.988	-	35.509.621.988
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 7.129.261.644 VND.
- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Nhà kho Năm Căn	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Chi phí khác	290.594.304	-	(290.594.304)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.385.551.704</b>	<b>-</b>	<b>(290.594.304)</b>	<b>1.094.957.400</b>

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.



## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>44.101.360.515</b>	<b>88.369.468.480</b>
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Công ty mẹ	44.101.360.515	49.360.327.010
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Chi nhánh Cà Mau – CN của Công ty mẹ		39.009.141.470
<b>Phải trả nhà cung cấp khác</b>	<b>78.590.970.994</b>	<b>121.752.482.763</b>
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	10.663.534.874	45.543.503.496
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	18.365.507.170	20.803.452.140
Công ty TNHH Totalgas Việt Nam	6.942.504.318	8.015.578.659
Các khách hàng khác	42.619.424.632	47.389.948.468
<b>Cộng</b>	<b>122.692.331.509</b>	<b>210.121.951.243</b>

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

## 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</b>	<b>1.076.951.846</b>	<b>1.259.826.117</b>
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu	910.000.000	910.000.000
Các khách hàng khác	166.951.846	349.826.117
<b>Cộng</b>	<b>1.076.951.846</b>	<b>1.259.826.117</b>

## 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	441.617.332	22.472.450.675	(20.768.569.060)	-	2.145.498.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.035.167.286	5.589.928.141	(6.733.563.379)	-	2.891.532.048
Thuế thu nhập cá nhân	-	89.568.783	1.002.630.786	(1.064.406.663)	-	27.792.906
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.103.576.155	1.103.576.155	-	-
Các loại thuế khác	-	-	683.124.346	683.124.346	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.566.353.401</b>	<b>30.851.710.103</b>	<b>(30.353.239.603)</b>	<b>-</b>	<b>5.064.823.901</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 16. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	19.137.836.913	20.802.946.817
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.137.836.913</b>	<b>20.802.946.817</b>

## 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chi phí phải trả các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.100.997.709</b>	<b>2.293.522.914</b>
Chi phí lãi vay phải trả	152.580.015	387.176.663
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.948.417.694	1.906.346.251
<b>Cộng</b>	<b>2.100.997.709</b>	<b>2.293.522.914</b>



**18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	844.880.045	872.603.954
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	844.880.045	872.603.954
<b>Cộng</b>	<b>844.880.045</b>	<b>872.603.954</b>

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

**19. Phải trả ngắn hạn khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.202.955.638	6.631.165.002
Phải trả về cổ phần hoá	216.502.269	213.502.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	131.550.751	81.627.961
Kinh phí công đoàn	168.130.368	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.867.318.880	2.137.070.480
Hàng khuyến mãi	107.118.581	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	712.334.789	563.191.588
<b>Cộng</b>	<b>3.202.955.638</b>	<b>2.995.392.298</b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	450.000.000	450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	450.000.000
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	<b>450.000.000</b>

**19c. Nợ quá hạn thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn thanh toán.

**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	251.205.346.790	251.205.346.790	303.600.985.788	303.600.985.788
Vay ngắn hạn ngân hàng	251.005.346.790	251.005.346.790	302.400.985.788	302.400.985.788
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau <sup>(1)</sup>	55.900.492.015	55.900.492.015	182.845.920.054	182.845.920.054
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau <sup>(2)</sup>	195.104.854.775	195.104.854.775	74.288.900.673	74.288.900.673
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Cà Mau	-	-	13.400.000.000	13.400.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN HCM	-	-	31.866.165.061	31.866.165.061
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	200.000.000	200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	200.000.000	200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>251.205.346.790</b>	<b>251.205.346.790</b>	<b>303.600.985.788</b>	<b>303.600.985.788</b>

<sup>(1)</sup> Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 08-2020/HĐ-CMA-QLN ngày 06 tháng 01 năm 2020 (kèm theo HĐ cấp tín dụng số 07-2020/HĐ-CMA-QLN Ngày 6 tháng 01 năm 2020).

- Giới hạn cấp tín dụng: 200.000.000.000 VND
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức
- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ
- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 2 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo (xem thuyết minh mục V.10, V.11, V.12 và VIII.7):



+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m<sup>2</sup> theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tác Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m<sup>2</sup>.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m<sup>2</sup>.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 362,7 m<sup>2</sup>, nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 22-2018/HĐ-CMA-QLN ngày 17 tháng 10 năm 2018, trị giá: 10.000.000.000 VND.

<sup>(2)</sup> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.003/2020-HĐCVHM/NHCT1860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 09 tháng 6 năm 2020.

- Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 9 tháng 6 năm 2020 đến ngày 04 tháng 6 năm 2021.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Vay bằng tin chấp.

<sup>(3)</sup> Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 0086/2019-HDVT ngày 6 tháng 5 năm 2019

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: 0%/ năm
- Thời hạn vay 30 tháng.
- Tài sản đảm bảo: 6 chiếc xe tải nhỏ (xem thuyết minh số V.11, VIII.7).

Chi tiết như sau:

Tên Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
000101 - Xe tải ISUZU QKR55H 2,2T 69C 042.27	422.736.364	327.620.683
000102 - Xe tải ISUZU QKR77HE4 2,3T 51D 430.02	484.206.364	399.474.001
000103 - Xe tải ISUZU QKR77HE4 2,3T 51D 431.89	484.206.364	399.474.001
000104 - Xe tải ISUZU NPR85KE4 3,5T 51D 438.44	650.363.636	547.389.394
000105 - Xe tải ISUZU NPR75ME4 5,7T 51D 438.57	745.130.909	627.151.848
000106 - Xe tải ISUZU NPR75ME4 5,7T 51D 438.97	745.130.909	627.151.848
<b>Cộng</b>	<b>3.531.774.546</b>	<b>2.928.261.775</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	302.400.985.788	-	1.796.025.295.318	(1.847.420.934.316)	251.005.346.790
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau	182.845.920.054	-	1.230.821.219.266	(1.218.562.284.545)	195.104.854.775
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau	74.288.900.673	-	501.099.253.013	(519.487.661.671)	55.900.492.015
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Cà Mau	13.400.000.000	-	48.160.602.895	(61.560.602.895)	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN HCM	31.866.165.061	-	15.944.220.144	(47.810.385.205)	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.200.000.000	200.000.000	-	(1.200.000.000)	200.000.000
Công ty CP HH Vedan Việt Nam	1.200.000.000	200.000.000	-	(1.200.000.000)	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>303.600.985.788</b>	<b>200.000.000</b>	<b>1.796.025.295.318</b>	<b>(1.848.620.934.316)</b>	<b>251.205.346.790</b>

## 20b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.



## 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận <sup>(*)</sup>	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.130.836.409	643.900.779	-	(1.139.890.262)	1.634.846.926
Quỹ phúc lợi	418.867.788	1.570.207.487	-	(1.831.598.827)	157.476.448
Quỹ thưởng Ban Điều hành	282.450.867	-	-	-	282.450.867
<b>Cộng</b>	<b>2.832.155.064</b>	<b>2.214.108.266</b>	<b>-</b>	<b>(2.971.489.089)</b>	<b>2.074.774.241</b>

<sup>(\*)</sup> Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	252.099.923	121.593.369	643.900.779
Quỹ phúc lợi	1.178.406.631	121.593.369	1.570.207.487
Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.430.506.554</b>	<b>243.186.738</b>	<b>2.214.108.266</b>

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau  
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## 22. Vốn chủ sở hữu

## 22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	26.145.075.985	21.393.155.526	7.921.043.769	179.886.185.280
Tăng trong năm trước	-	-	-	2.456.841.650	16.736.932.928	1.613.256.141	20.600.118.438
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(16.815.671.437)	(1.678.140.228)	(18.493.811.665)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	28.395.005.354	21.314.417.017	7.856.159.682	181.992.492.053
Tăng trong năm	-	-	-	1.822.307.410	17.255.999.208	1.215.933.693	20.294.240.311
Giảm trong năm	-	-	-	-	(3.793.228.938)	(691.726.738)	(4.484.955.676)
Số dư cuối năm	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	30.217.312.764	34.777.187.287	8.380.366.637	197.801.776.688



**22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	51,00%	61.729.960.000	51,00%	61.729.960.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	24,26%	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000
Cổ đông khác	24,74%	29.948.920.000	24,74%	29.948.920.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ còn phải góp VND
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	44.334.250.000	51,00%	44.334.250.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000	-
Các Cổ đông khác	29.948.920.000	24,74%	29.948.920.000	-
<b>Cộng</b>	<b>121.039.120.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>	-

**22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	121.039.120.000	121.039.120.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	121.039.120.000	121.039.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(12.103.912.000)

**22d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
Cổ phiếu phổ thông	12.103.912	12.103.912
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**22e. Cổ tức**

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Cổ tức năm nay được chia theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐ-2020 ngày 20 tháng 6 năm 2020 với tỷ lệ 15% và sẽ chi trả sau khi có thông báo chia cổ tức.

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	-	(12.103.912.000)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	(12.103.912.000)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-



**22f. Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	21.314.417.017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.255.999.208
Phân phối trong năm:	(3.793.228.938)
- Quỹ khen thưởng	(522.307.410)
- Quỹ phúc lợi	(1.448.614.118)
- Quỹ đầu tư phát triển	(1.822.307.410)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>34.777.187.287</b>

**22g. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.856.159.682	7.921.043.769
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.215.933.693	1.613.256.141
Giảm do chia cổ tức, trích quỹ	(691.726.738)	(1.678.140.228)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.380.366.637</b>	<b>7.856.159.682</b>

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Gốc ngoại tệ VND	Gốc ngoại tệ VND
Nợ khó đòi đã xử lý	14.163.177.328	14.176.340.328
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	3.205.518.288.051	3.246.868.498.925
Doanh thu bán xăng dầu	732.686.715.463	1.166.995.973.969
Doanh thu khác	283.914.801.407	314.949.447.144
<b>Cộng</b>	<b>4.222.119.804.921</b>	<b>4.728.813.920.038</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	44.861.685	37.134.286
<b>Cộng</b>	<b>44.861.685</b>	<b>37.134.286</b>

**3. Giá vốn bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	3.082.721.512.400	3.141.863.263.584
Giá vốn hàng bán xăng dầu	687.570.760.652	1.116.891.719.037
Giá vốn khác	264.091.914.185	291.007.735.322
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	-	(682.330.091)
<b>Cộng</b>	<b>4.034.384.187.237</b>	<b>4.549.080.387.852</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	4.573.978.911	5.047.761.470
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.532.488.172	2.406.359.631
Lãi bán hàng trả chậm	415.490.606	482.737.899
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.384.000	140.105.256
<b>Cộng</b>	<b>7.612.341.689</b>	<b>8.076.964.256</b>



**5. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.601.810.112	16.611.045.901
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(339.715.700)	(52.523.000)
Chi phí tài chính khác	171.517.364	247.384.582
<b>Cộng</b>	<b>15.433.611.776</b>	<b>16.805.907.483</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	93.358.129.196	92.842.712.564
Chi phí vật liệu, bao bì	4.816.826.031	7.212.154.007
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	997.049.646	1.027.936.640
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.321.089.075	6.285.100.566
Chi phí mua ngoài	37.819.992.193	33.454.131.211
Chi phí khác bằng tiền	9.114.939.338	6.971.691.574
<b>Cộng</b>	<b>152.428.025.479</b>	<b>147.793.726.562</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.951.162.131	13.355.193.154
Chi phí vật liệu quản lý	281.627.497	218.560.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	140.870.131	141.259.052
Thuế, phí, lệ phí	3.729.996.907	3.275.668.057
Chi phí dự phòng	308.386.346	336.297.809
Chi phí mua ngoài	1.104.632.179	1.324.304.779
Chi phí khác bằng tiền	4.632.103.033	6.177.540.438
<b>Cộng</b>	<b>23.148.778.224</b>	<b>24.828.823.721</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ	19.308.201.962	26.548.053.107
Thu từ thanh lý tài sản	32.727.272	9.000.000
Thu từ các khoản nợ đã xóa	13.163.000	18.664.000
Thu nhập khác	694.403.027	1.313.616.969
<b>Cộng</b>	<b>20.048.495.261</b>	<b>27.889.334.076</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, chậm nộp thanh tra thuế	278.927.433	8.076.576
Chi phí khác	388.995	2.470.406
<b>Cộng</b>	<b>279.316.428</b>	<b>10.546.982</b>

**10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.  
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>24.061.861.042</b>	<b>26.223.691.484</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.138.541.690	13.143.820.588
Các khoản điều chỉnh tăng	5.228.925.690	13.283.925.844
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	472.050.185	277.981.785
Tiền thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	486.000.000	450.000.000
Chi phí lãi vay loại trừ theo ND 132/2020/ND-CP	4.270.875.505	12.555.944.059
Các khoản điều chỉnh giảm	(90.384.000)	(140.105.256)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(90.384.000)	(140.105.256)
Thu nhập chịu thuế	29.200.402.732	39.367.512.072
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.840.080.547	7.873.502.415
Giảm 30% thuế TNDN <sup>(1)</sup>	(196.888.945)	-
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty mẹ <sup>(2)</sup>	(107.658.607)	-
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty con <sup>(3)</sup>	54.395.146	-
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>5.589.928.141</b>	<b>7.873.502.415</b>

<sup>(1)</sup> Công ty CP In Bạc Liêu được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

<sup>(2)</sup> Là khoản điều chỉnh giảm thuế TNDN theo Quyết định số 1525/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Cục thuế tỉnh Cà Mau, niên độ kiểm tra 2017-2019.

<sup>(3)</sup> Truy thu thuế TNDN theo Quyết định 1229/QĐ-CT ngày 12 tháng 08 năm 2020 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Cục thuế tỉnh Cà Mau, niên độ kiểm tra 2017 – 2019.



+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m<sup>2</sup> theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tác Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m<sup>2</sup>.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m<sup>2</sup>.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 362,7 m<sup>2</sup>, nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 22-2018/HĐ-CMA-QLN ngày 17 tháng 10 năm 2018, trị giá: 10.000.000.000 VND.

<sup>(2)</sup> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.003/2020-HĐCVHM/NHCT1860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 09 tháng 6 năm 2020.

- Hạn mức vay: 80.000.000.000 VND
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 9 tháng 6 năm 2020 đến ngày 04 tháng 6 năm 2021.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Vay bằng tín chấp.

<sup>(3)</sup> Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 0086/2019-HDVT ngày 6 tháng 5 năm 2019

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động
- Lãi suất: 0%/ năm
- Thời hạn vay 30 tháng.
- Tài sản đảm bảo: 6 chiếc xe tải nhỏ (xem thuyết minh số V.11, VIII.7).

## 12b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.514.486.647	15.063.239.636
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.514.486.647	15.063.239.636
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.103.912	12.103.912
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.283</b>	<b>1.244</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.103.912	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- ...	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>12.103.912</b>	<b>12.103.912</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn, không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

### 3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).



**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.761.272.731	3.169.636.366
Trên 1 năm đến 5 năm	10.148.454.554	8.784.272.730
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.909.727.285</b>	<b>11.953.909.096</b>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

**4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VL1b.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu Hoàng Thông – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	808.764.000	54.700.000
- Hoàn ứng	(19.185.000)	(41.890.000)

**Cam kết bảo lãnh**

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)*

	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
<b>Năm nay</b>					
<i>Hội đồng quản trị</i>	-	384.000.000	-	3.237.000	387.237.000
Nguyễn Tuấn Quỳnh	-	84.000.000	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Hiền	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Lê Xuân Trình	-	60.000.000	-	3.237.000	63.237.000
Dương Xuân Phát	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Khánh	-	30.000.000	-	-	30.000.000
Nguyễn Thị Việt Ánh	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Phù Chí Anh	-	30.000.000	-	-	30.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>	-	120.000.000	-	-	120.000.000
Trần Chí Hiếu	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Ngô Thế Anh	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Đỗ Cao Sơn	-	48.000.000	-	-	48.000.000
<i>Ban Điều hành</i>	1.803.555.053	-	590.000.000	949.009.500	3.342.564.553
Nguyễn Thị Việt Ánh	644.093.333	-	350.000.000	647.419.500	1.641.512.833
Phù Chí Anh	386.532.147	-	135.000.000	138.403.500	659.935.647
Nguyễn Thị Việt Ngọc	383.885.000	-	-	155.736.000	539.621.000
Lưu Hoàng Thông	389.044.573	-	105.000.000	7.450.500	501.495.073
<b>Cộng</b>	<b>1.803.555.053</b>	<b>504.000.000</b>	<b>590.000.000</b>	<b>952.246.500</b>	<b>3.849.801.553</b>



	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
<b>Năm trước</b>					
Hội đồng quản trị	-	324.000.000	-	3.237.000	327.237.000
Nguyễn Tuấn Quỳnh	-	84.000.000	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Hiền	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Lê Xuân Trinh	-	60.000.000	-	3.237.000	63.237.000
Dương Xuân Phát	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Thị Việt Anh	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Ban Kiểm soát	-	104.000.000	-	-	104.000.000
Trần Chí Hiếu	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Ngô Thế Anh	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Đỗ Cao Sơn	-	32.000.000	-	-	32.000.000
Ban Điều hành	1.790.817.481	-	1.440.000.000	1.161.378.000	4.392.195.481
Nguyễn Thị Việt Anh	646.897.273	-	645.000.000	647.419.500	1.939.316.773
Thái Trường An	130.656.818	-	-	212.368.500	343.025.318
Phù Chí Anh	397.375.335	-	265.000.000	138.403.500	800.778.835
Nguyễn Thị Việt Ngọc	376.349.167	-	265.000.000	155.736.000	797.085.167
Lưu Hoàng Thống	239.538.888	-	265.000.000	7.450.500	511.989.388
	<b>1.790.817.481</b>	<b>428.000.000</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>1.164.615.000</b>	<b>4.823.432.481</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

#### b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt

Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	386.537.399.016	794.809.633.190
Trả tiền mua hàng	(430.805.506.981)	(810.371.201.830)

#### Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

#### 5. Chi phí vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

#### 6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau

##### 6a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bách hóa	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	732.686.715.463	3.205.518.288.051	283.869.939.722	4.222.074.943.236
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	687.570.760.652	3.082.721.512.400	264.091.914.185	4.034.391.989.598
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>45.115.954.811</b>	<b>122.796.775.651</b>	<b>19.778.025.537</b>	<b>187.690.755.999</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.166.995.973.969	3.246.831.364.639	314.949.447.144	4.728.776.785.752
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	1.116.209.388.946	3.141.863.263.584	291.007.735.322	4.549.080.387.852
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>50.786.585.023</b>	<b>104.968.101.055</b>	<b>23.941.711.822</b>	<b>179.696.397.900</b>

##### 6b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.



## 7. Tài sản đảm bảo

### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Công ty cầm cố sổ tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 10.000.000.000 VND để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Ngoại Thương (xem thuyết minh số V.2a, V.20).
- Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.10, V.11 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.118.469.780 VND (số đầu năm là 7.498.706.088 VND).
- Công ty thế chấp Tài sản cố định hữu hình là 6 chiếc xe tải nhỏ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Hữu hạn Vedan với giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại kết thúc năm tài chính là 3.057.784.161 (số đầu năm là 3.064.850.502 VND) (xem thuyết minh số V.10, V.20).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

## 9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

- Công ty đang tiến hành các thủ tục đề tăng vốn điều lệ trong vòng 90 theo đúng theo giấy chứng nhận số 358/GCN-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Chứng Khoán về việc chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Việc tăng vốn này căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2020, thống nhất tăng Vốn Điều lệ Công ty. Và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/2020/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 5 năm 2020 thống nhất thông qua kế hoạch phát hành Cổ phiếu tăng vốn Điều lệ, với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 6.051.956 cổ phiếu, mục đích phát hành: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, phương thức phát hành là chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1, thời gian thực hiện Quý 4 năm 2020, vốn Điều lệ sau phát hành 181.558.680.000 VND;
- Công ty đang tiến hành các thủ tục thoái vốn đầu tư theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2021.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





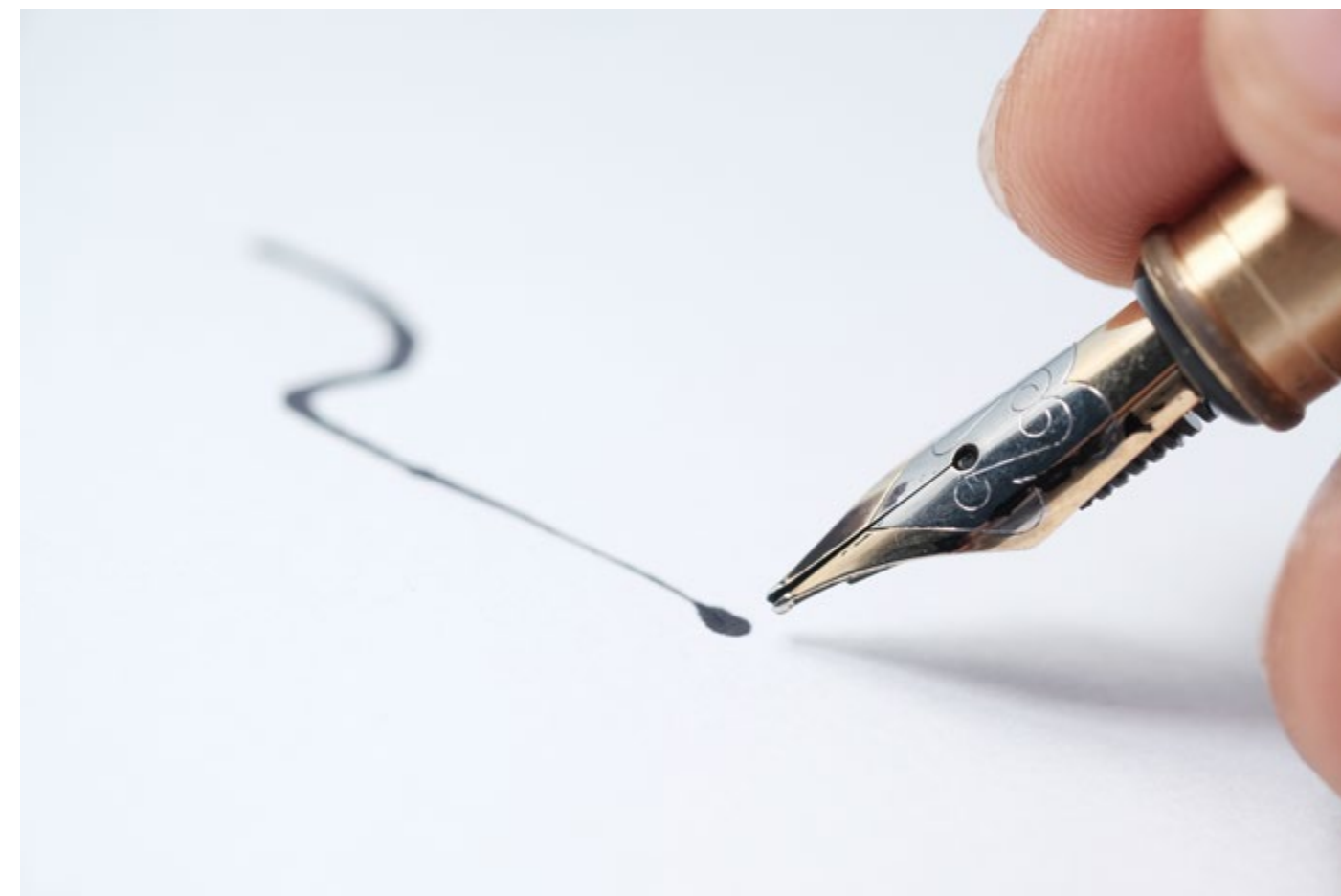




PHÙ CHÍ ANH

PHÙ CHÍ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH